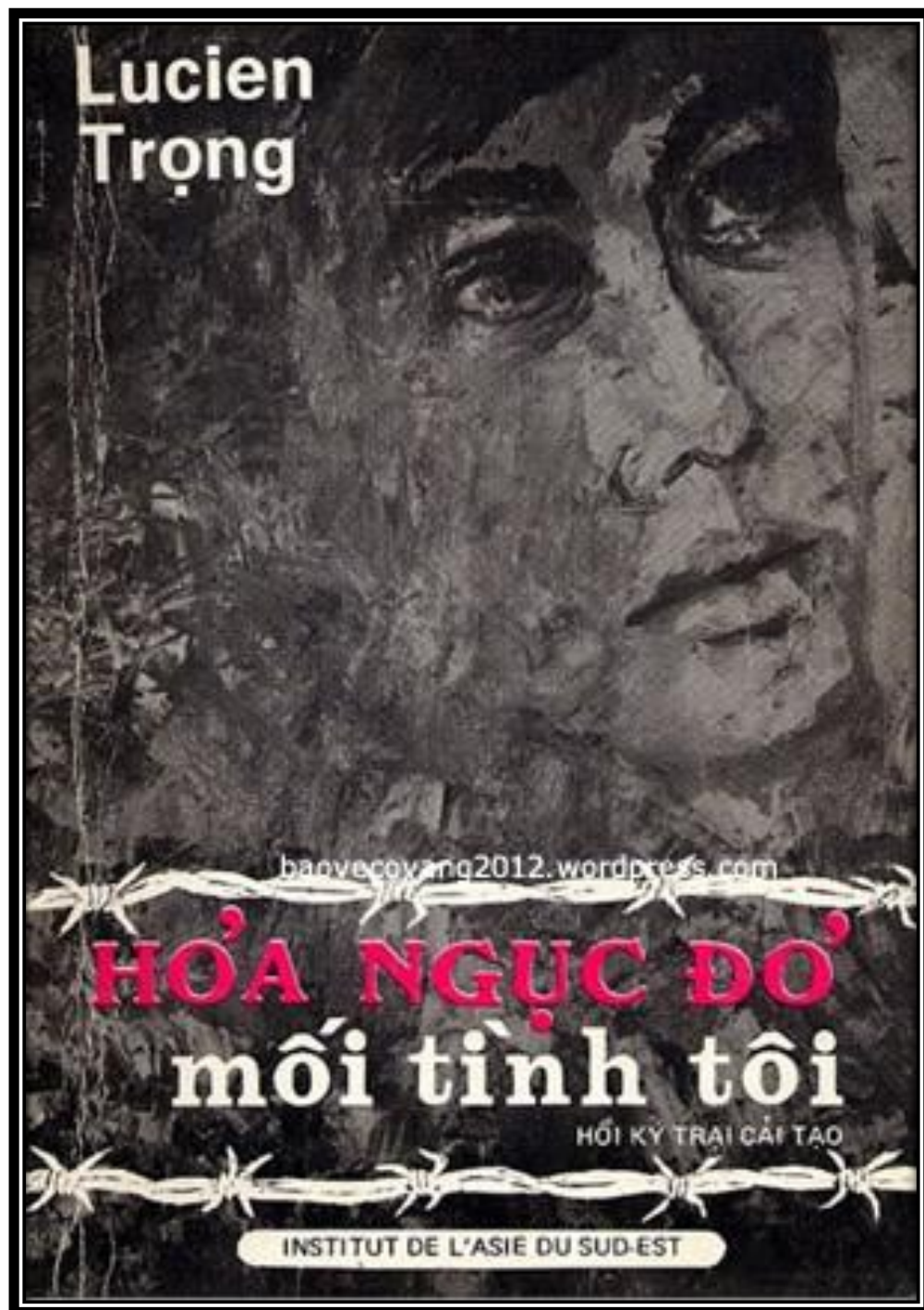




- Posted on February 15, 2013 by Lê Thy -

RIÊNG TẶNG LÝ, BẠN TÔI

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
LỜI MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG 1 :	9
CHƯƠNG 2 :	14
CHƯƠNG 3 :	23
CHƯƠNG 4 :	30
CHƯƠNG 5 :	36



LỜI NÓI ĐẦU



Buồn nào hơn khi mất đi một người bạn, không phải ai cũng có được một người bạn. Và càng buồn hơn nữa khi phải mất cả đất nước quê hương, vì chúng ta bây giờ chỉ còn là những kẻ tha hương, những người không tổ quốc.

Quyển sách này không phải là một chuyện tiểu thuyết, mà đây là sự thật, và nếu như có đôi khi diễn biến không được thứ tự lắm, đó cũng là vì tôi sợ quên đi. Tôi phải làm nhân chứng, mặc dầu có thể không đạt được kết quả mong muốn. Tôi không ghi lại hồi ký này để thoả mãn sự cảm hờn, vì sau bao nhiêu thử thách, bây giờ chỉ còn lại tiếc nuối mà thôi.

Cầu xin những người chết, những người còn sống thoi thóp trong hoả ngục đỏ, mối tình của tôi, hãy giúp tôi hoàn thành quyển sách này.



LỜI MỞ ĐẦU



Ngày 30-4-1975, Sài Gòn được đổi tên là Thành Phố Hồ-chí-Minh. Những trại cải tạo được thành lập vội vàng. Hàng triệu người dân tìm cách thoát khỏi nước bằng tất cả mọi phương tiện. Biết bao nhiêu người đã bỏ thân nơi biển Đông, vì bão tố, cướp biển, hay vì đói khát. Ta cần đặt câu hỏi, tại sao?

Quyển sách **“Enfer Rouge, mon amour ”** (*) được nhà Xuất bản Le Seuil ấn hành vào năm 1980, là một trong những quyển sách đầu tiên giúp cho người ngoại quốc biết đến những gì đã xảy ra sau ngày thống nhất. Vào năm 1983, quyển sách nói trên được viết bằng tiếng Việt và được nhà xuất bản Sud-Est Asie ấn hành dưới tựa đề **« Hòa ngục đỏ, mối tình tôi, Hồi ký trại cải tạo »**

Đến nay ba mươi năm đã trôi qua, thời gian trôi xóa dần những dị biệt chính kiến, nhưng chúng tôi là những chứng-nhân của lịch sử không có quyền lãng quên những người đã bỏ thân trong trại cải tạo, hay trên biển cả. Trong mục đích giúp cho những thế hệ trẻ ngày nay, ở tại Việt Nam hay đang sinh sống nơi hải ngoại biết được những gì đã xảy ra trong giai đoạn đó, chúng tôi lấy quyết định đưa quyển sách này lên Internet, nhân dịp kỷ-niệm ngày 30-4. . Tham khảo và phổ biến tự do trong phạm vi không thương mại.

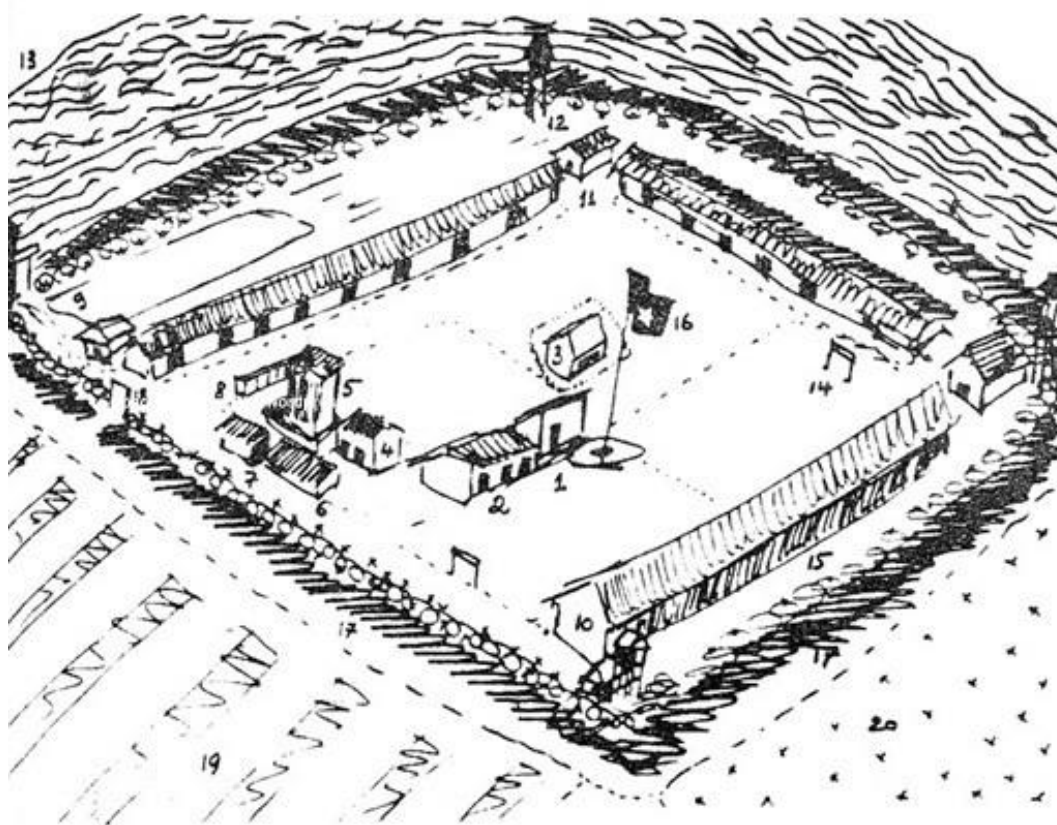
Lucien Trọng, sanh quán Bến-Tre, giảng viên Đại Học Nông Nghiệp Sài-Gòn, đã ở trại học tập cải tạo hơn ba năm trước khi vượt biên và đến Pháp, sau một thời gian ở trại Cherating, Mã Lai. (Bìa và phụ bản tranh sơn dầu của tác giả)

...Tôi không viết quyển sách này để thỏa mãn sự căm giận. Đã bị đẩy đến tận cùng của tuyệt vọng, giờ không còn gì hơn ngoài sự mệt mỏi chán chường. Quyển “Enfer Rouge, mon amour” tôi viết bằng tiếng Pháp là để bày tỏ cùng Quốc tế tiếng nói uất nghẹn của một dân tộc đang bị kềm kẹp, còn quyển sách viết ra tiếng Việt này mới là lời tâm sự với những người đồng hương hiện cùng mang chung với tôi tâm trạng đau thương của người dân mất nước, nay đã trở thành hòa ngục Đỏ, mối tình tôi....

Chúng tôi thành kính ghi ân những chiến sĩ đã hy sinh cho đất nước, ở cả hai bên chiến tuyến, và chúng tôi tin tưởng vào sự sáng suốt của nhà cầm quyền, để sớm đưa Việt Nam vào một tương lai sáng lạn.

lucien.trong@wanadoo.fr

© 1980 Lucien TRONG



1. Biểu đồ trại học tập cải tạo Mỹ Phước Tây

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| 1. Văn phòng giám đốc trại | 11. Nhà lính gác |
| 2. Khu nhà ở của Cán bộ | 12. Chòi canh |
| 3. Trại giam phụ nữ | 13. Đồng sống ngoài trại |
| 4. Nhà bếp chính | 14. Sân banh |
| 5. Sân khấu diễn kịch | 15. Hàng rào kẽm gai |
| 6. Bệnh xá | 16. Cờ Cộng sản Bắc Việt |
| 7. Chuồng heo | 17. Bãi mìn quanh trại |
| 8. Chuồng cạp Conex | 18. Cửa vào trại |
| 9. Ao cá Vồ kiêm cầu tiêu | 19. Vườn rau |
| 10. Khu xà lim | 20. Ruộng lúa |

II. 36 điều cấm lệnh của trại cải tạo Mỹ Phước Tây

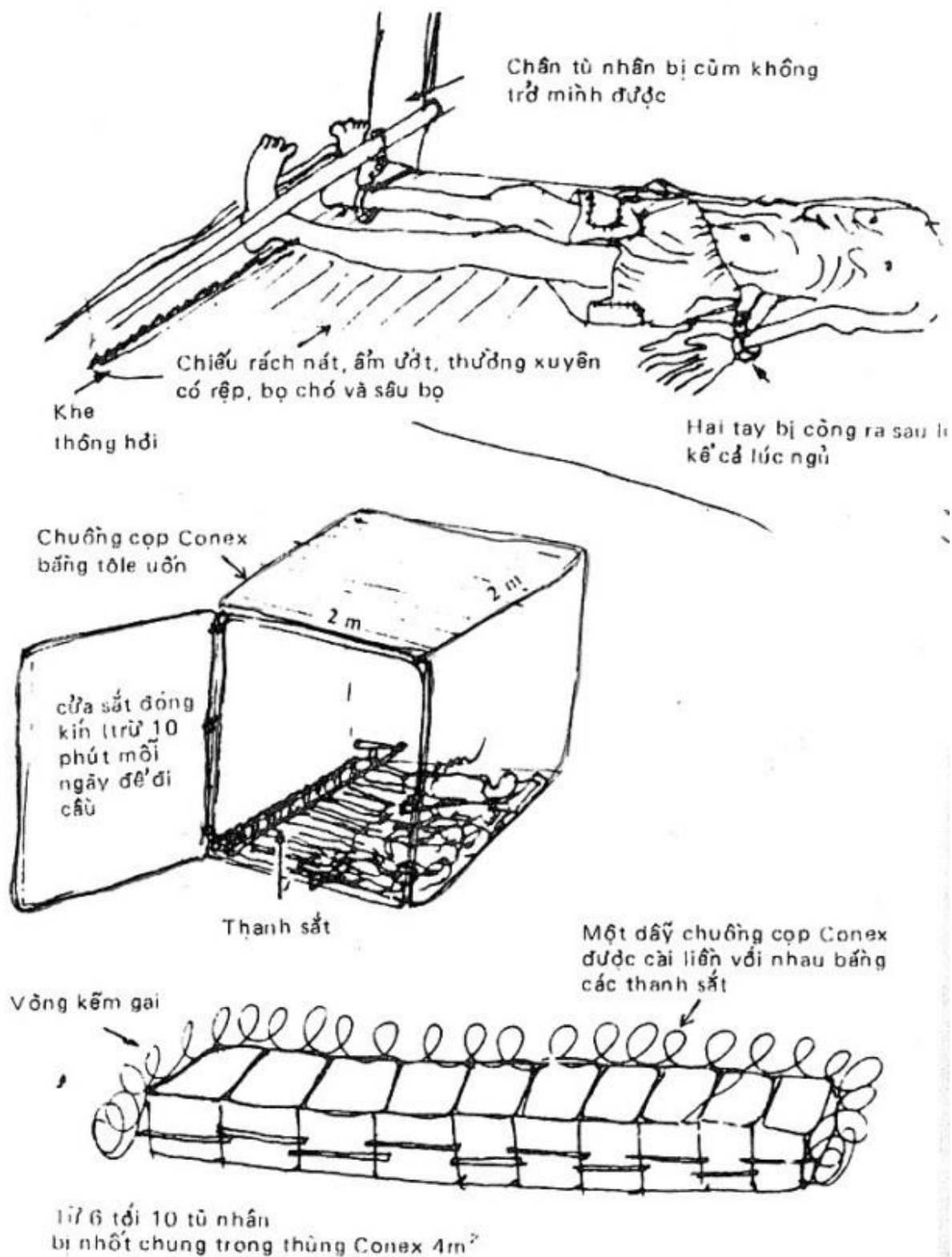
Tuyệt đối cấm :

1. Vượt khỏi vòng rào kẽm gai
2. Rời khỏi xà lim nếu không có phép
3. Thay đổi chỗ nằm
4. Di chuyển từ xà lim này qua xà lim khác
5. Liên lạc, thông tin từ xà lim này qua xà lim khác
6. Lảng vảng gần chuồng cọp Conex
7. Vào nhà bếp chính (để phòng án vụ)
8. Lảng vảng gần khu nhà Cán bộ
9. Lảng vảng gần văn phòng trại
10. Tiến lại gần vòng rào kẽm gai
11. Đại, tiểu tiện ngoài giờ quy định
12. Giu trong mình quá 5 đồng
13. Lưu giữ dụng cụ nông trường hoặc các vật bén, nhọn
14. Tìm kiếm hoặc uống rượu
15. Chơi bài bạc
16. Nấu nướng ngoài giờ được quy định
17. Tiếp xúc với các nữ tù nhân
18. Tiếp xúc với dân chúng
19. Tiếp xúc với linh gác
20. Tiếp xúc với thân nhân ngoài các kỳ thăm nuôi
21. Trái lệnh các Cán bộ, Trưởng Phòng và những người có trách nhiệm.
22. Từ chối mọi việc lao động, vinh quang của nhân dân
23. Có tư tưởng hoặc hành động dâm dật xa đọa
24. Tăng trử và đọc sách, báo của chế độ cũ
25. Gọi lại truyện nói về Đế quốc và Ngụy quyền
26. Ca hát những bài hát trữ tình của chế độ cũ
27. Bàn luận về chính trị
28. Ăn nói thô lỗ trái với tinh thần cách mạng
29. Hủy hoại những dụng cụ của nhà nước (quốc, xẻng ...)
30. Gây hư hại doanh trại (đốt lửa gây hỏa hoạn ...)
31. Tư tưởng phản động (ý nghĩ sẽ đưa tới hành động)
32. Tín tưởng nhằm nhĩ (theo một tôn giáo nào đó)
33. Tuyên truyền phản động
34. Vô lễ với các Cán bộ chỉ huy trại
35. Mua, bán, đổi chác quần áo, vật thực v.v...
36. Cải vã, đánh lộn.

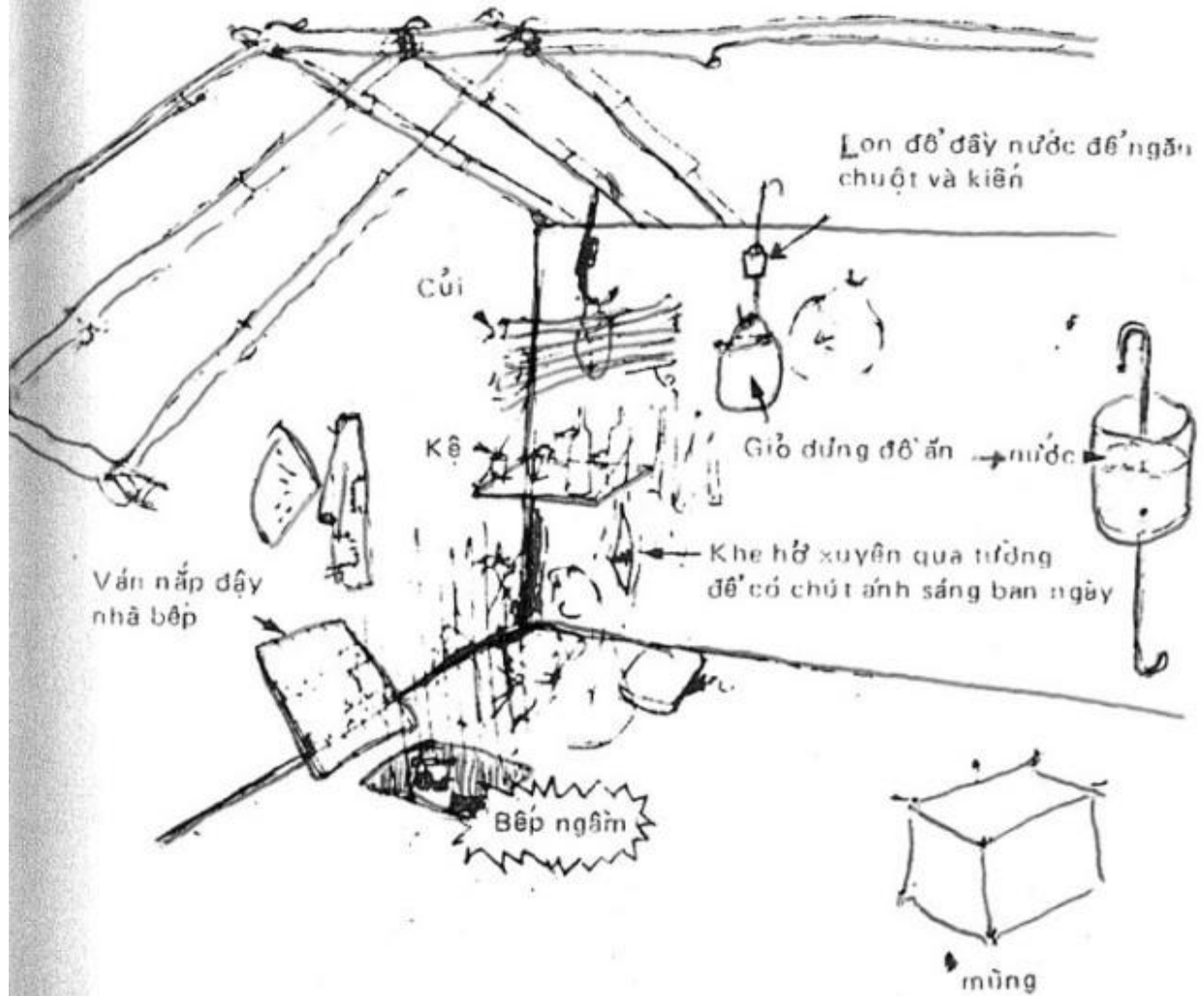
Tất cả mọi vi phạm đều bị đem xét xử và trừng phạt từ hình phạt cùm tới hình phạt nhốt trong thùng Conex kèm theo cấm thăm nuôi và nhận quà gói.

Giám Đốc trại

III. Sơ đồ chuồng cọp Conex



IV. Sơ đồ xà lim số 9



baovecovang2012.wordpress.com

* Bản điện tử quyển sách "*Enfer Rouge, mon amour*" do tác giả gửi tặng Lê Thy, cho phép phổ biến trên blog BVCV.



CHƯƠNG 1



Cũng như biết bao thanh niên cùng lứa tuổi, tôi sinh ra trong cảnh điêu tàn đổ nát của quê hương. Trận chiến Đông Dương lần thứ nhất đã nổ ra vài tháng trước, sau trận oanh tạc Hải Phòng và sau cuộc nổi dậy ở Hà Nội của Hồ Chí Minh.

Cha tôi vào lúc đó đang làm việc tại một hãng xe hơi của người Pháp ở Sài Gòn . Mặc dù chỉ là thường dân, nhưng vì có dính líu với người Pháp nên chúng tôi sợ bị Việt Minh trả thù. Mẹ tôi bèn thu xếp về Bến Tre, nơi quê ngoại tôi cùng với chị và anh tôi lúc ấy mới lên năm và ba tuổi. Mẹ tôi đang mang thai tôi gần ngày sanh. Mang chức Huyện, ông ngoại tôi là một đại điền chủ giàu có, nhưng rất quảng đại và rất được tá điền thương mến. Ông có nhiều vợ, và gia quyến rất đông đảo đó sống an nhàn trong một căn nhà rộng rãi và âm u với những cột to chạm trổ rất tinh vi.

Thế nhưng giặc giả cũng tràn lần tới Bến Tre và ngày mà nhà ông ngoại tôi bị đốt cháy, trên đường chạy loạn, mẹ tôi sanh tôi ra trong hầm trú ẩn, một cái hố bên đường giữa tiếng đạn bom và khói lửa ngập trời. Mẹ tôi định tìm cách về Sài Gòn , nhưng lúc đó đường sá bị phá hoại rất nhiều, cầu cống sập đổ, lưu thông bị tắt nghẽn, nên chúng tôi bị kẹt tại Mỹ Tho, với hai bàn tay trắng và mấy bao bố tời để đắp cho đỡ lạnh. Rất may lúc ấy có hai người con gái của tá điền, chị Đồng và chị Cúc, theo má tôi vì hai chị rất thương má tôi đã giúp đỡ nhiều cho gia đình hai chị. Vì sanh non ngày nên tôi là một đứa bé ốm yếu, nhả nhúm và bệnh hoạn. Hai chị phải đi gánh nước mướn và bán dừa để nuôi chúng tôi vì má tôi cứ ốm đau sau khi sanh ra tôi.

Một tối nọ, tôi làm kinh và nóng sốt liên miên, mẹ tôi lo sợ ẵm tôi đi thầy thuốc cùng với chị Đồng mặc dù đã giới nghiêm. Khi tới trạm kiểm soát của lính Lê Dương, chúng tôi bị chặn lại. Mặc dầu mẹ tôi và chị Đồng đã giả trang cho xấu xí, quần áo xộc xệch và mặt mũi lem luốc bùn sình, bọn lính vẫn đoán thấy vẻ đẹp mặn mà của chị Đồng nên chặn giữ chị lại. Mẹ tôi nhờ nét xanh xao và đứa con nhỏ trên tay nên được cho đi thông thả. Tình trạng của tôi rất nguy ngập nên chị Đồng vẫn bình tĩnh khuyên mẹ tôi hãy tiếp tục đi, chị sẽ tùy cơ ứng biến. Mẹ tôi đành để chị lại với bọn lính Lê Dương. Sáng hôm sau chị trở về nhà và liệt giường liệt chiếu, mẹ tôi phải bán chiếc áo dài lụa đen cuối cùng để thuốc thang cho chị.

Sau đó chị sanh ra một đứa con lai. Khi gởi con cho má chị nuôi dưỡng, chị ở lại săn sóc tôi cho đến ngày thời cuộc đưa đẩy, chị lập gia đình nhưng sau khi gãy đổ, chị đi bán bar và sau đó theo chồng về Mỹ.

Lúc bấy giờ ai cũng tưởng tôi sẽ đi đời nhà ma, nhưng ngược lại, tôi vẫn sống và chính anh tôi bấy giờ lên 3 tuổi, lại mất đi sau một cơn bệnh chỉ vài ngày. Lúc ấy làng xã bị thiêu rụi, ai còn lo tới chuyện làm giấy tờ, nên từ đó tôi mang khai sanh của anh tôi, và tôi được hưởng luôn cái tên

ba má đã đặt cho anh là Trọng, có vẻ như quan trọng và quá trang nghiêm không hợp tí nào với bản tánh của tôi. Vì tôi cứ bị đau bệnh luôn, mẹ tôi đặt cho một cái tên xấu xí cho dễ nuôi: “Nhuòng” hay là nhuòng nhịn, khiêm nhuòng. Tôi thấy cái tên này hợp với tôi hơn. Lạ thay sau đó tôi hết bệnh hoạn và lại mập mập, sở sỡ ra.

Một năm sau đó, tình hình lắng dịu và chúng tôi trở về cuộc sống tương đối nhàn nhã ở Sài Gòn.

Sau trận chiến Điện Biên Phủ vào năm 1954, nước Pháp thua trận nhường chỗ cho người Mỹ và giặc giả vẫn tiếp diễn mà còn ác liệt hơn. Lúc đó tôi được 7 tuổi, và giữa cảnh điêu tàn của quê hương, tôi còn cô đơn hơn nữa. Mặc dầu gia đình tôi theo đạo Phật, nhưng tôi được theo học trường Dòng và từ đó tôi lại mang thêm tên thánh Lucien, biểu tượng của “ánh sáng”: tôi lại chui rút thêm vào bóng tối của cái vỏ ốc mà tôi đã tự tạo ra.

Sau khi thi xong bằng Tú Tài, tôi được sang Pháp tiếp tục học về Thủy Lâm, và sau một thời gian tu nghiệp ở Hoa Kỳ, tôi trở về quê hương để phục vụ; trái với một số bạn bè vẫn muốn ở lại xứ người để lập nghiệp, vì tôi biết rằng không một nơi nào đẹp bằng quê hương tôi.

Tôi được tuyển làm giảng viên tại trường Đại Học Nông Lâm Súc ở Sài Gòn. Song song với chức quản thủ thư viện, tôi giữ luôn chức vụ Trưởng Phòng Sinh Viên Vụ trong giai đoạn đầu sôi lửa bỏng ở Sài Gòn vào năm 1973-1975.

Tôi thấy cần phải nói đôi câu về tư thế chánh trị của tôi, không phải để biện minh điều gì mà chỉ tỏ rằng tôi là một nhân chứng tầm thường như bao nhiêu người Việt Nam khác, sanh ra trong thời loạn, không biết phải theo bên nào, vì bên nào cũng có những cái hay, nhưng cũng có những cái dở. Tôi không phải là một nhà văn, nên lời tôi nói rất giản dị, rất chân thành, tôi chỉ muốn bày tỏ nỗi uất nghẹn của một người dân mất nước.

Tôi không phải là một chánh trị gia, nên nhận xét về phương diện này của tôi kém phần sâu sắc, vả lại bản tánh nghệ sĩ của tôi khiến tôi ghét những gì thuộc về chánh trị. Tôi ưa âm nhạc, hội họa và điện ảnh hơn.

Sau một thời gian nhập ngũ, tôi được biệt phái trở về dạy học. Tôi không thích chế độ của Nguyễn Văn Thiệu vì sự tham nhũng đầy dẫy và vì có quá nhiều bất công trong xã hội. Với sự hiện diện của lính Mỹ, dĩ nhiên cảnh ế điểm lan tràn và các tệ đoan xã hội khác phải hiện lên. Nhưng dầu sao đó cũng là một chế độ tự do, nhưng dân được tự do tư tưởng, tín ngưỡng, đi lại, được tự do buôn bán, tự do sống theo ý mình.

Mặc dầu có những hạn chế do tình trạng chiến tranh, mặc dầu có những phần tử tham nhũng trong thành phần chánh phủ, nhưng người dân vẫn sống tự do và vì vậy nên người dân Miền Nam không bao giờ chấp nhận chế độ Cộng Sản, dầu phải đánh đổi sinh mạng mình để vượt biển tìm tự do.

Khi tôi du học trở về Việt Nam , năm đó tôi vừa 24 tuổi. Tôi rất thích hội họa, tôi vẽ rất nhiều tranh sơn dầu và tổ chức nhiều cuộc triển lãm, phần đông để giúp đồng bào chiến nạn. Đó cũng là một cách cho tôi giải tỏa những ước mơ thầm kín và cố quên đi “nỗi cô độc của con tim và sự vô nghĩa của cuộc sống”.

Khi tôi hồi hương, phản ứng đầu tiên của tôi khi thấy Sài Gòn đầy lính Mỹ và bar, ổ điểm trá hình, cùng nhà tắm hơi, dancing, là sự khó chịu và uất ức. Thế nhưng sau khi biết được sự bành trướng mau lẹ của Việt Cộng và những thủ đoạn của chúng thì tôi đành chấp nhận thế chẳng đặng đừng. Tuy nhiên cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đối với tôi, tôi vẫn cho là một sự mất mát lớn, mặc dầu chính gia đình ông đã đưa đến thảm họa cho ông .

Sài Gòn đầy dẫy ngựa xe, lụa là, máy móc, tủ lạnh, ti-vi. Sài Gòn nhộn nhịp xa hoa. Sài Gòn muôn màu muôn mặt. Đằng sau những khu nhà nhiều tầng là những khu bàn cờ, những khu ổ chuột với những căn nhà ọp ẹp bằng lá, bằng tôle, bằng cây, bằng giấy cứng, bằng giẻ rách.

Có ai đã ví Sài Gòn như một cô gái đẹp diêm dúa, sống hưởng thụ vội vàng và không nghĩ đến ngày mai.. Tham những lan tràn, vì đó là một tệ trạng luôn luôn đi đôi với một chế độ độc tài. Thế nhưng người dân vẫn vui sống, dầu cuộc sống có chật vật, dầu ngày mai có bấp bênh, dầu cuộc chiến vẫn tiếp diễn ác liệt sau khi người Mỹ ra đi.

Ngày ở trường Đại Học Nông Nghiệp, lúc bấy giờ được gọi là Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp, những cuộc biểu tình của sinh viên tổ chức vẫn thường được diễn ra. Nhờ địa điểm khá thuận tiện, nằm trên đường Cường Để, giữa Đại Học Văn Khoa và Dược Khoa, không xa mấy Trường Luật, nên trong nhiều cuộc biểu tình, tôi đều có mặt, dầu vì lý do gì, tôi vẫn đứng theo hàng ngũ của sinh viên, có lẽ vì tuổi trẻ, có lẽ vì tôi luôn luôn chống lại những gì hiện hữu . Ông Khoa Trưởng bấy giờ rất trẻ và là bạn của tôi, thường rầy rà:

– Trời ơi, anh làm Trưởng ban Sinh Viên Vụ,lẽ ra anh phải trông chừng cho sinh viên đừng lộn xộn, anh lại theo tụi nó biểu tình thì chết rồi. Anh coi chừng, trong đám sinh viên có tụi VC trá hình trà trộn để gây rối loạn đó.

Và ông rất có lý. Trong các phiên họp Hội đồng Giáo Sư, tôi vẫn tìm mọi cách để xin can thiệp cho sinh viên bị bắt trong những cuộc biểu tình. Hình như Công An có theo dõi tôi, và đã có lần gọi tôi đến để dẫn mặt vu vơ, nhưng lúc bấy giờ anh rể tôi có chức vụ quan trọng trong quân đội, có thể là một bảo đảm cho hành vi chánh trị của tôi, nên tôi chưa hề bị bắt.

Ngày 30-4-1975, Miền Nam yêu thương, Miền Nam dịu hiền nào ngờ lại phải rơi vào tay Cộng Sản quá hấp tấp, quá vội vàng, sau cuộc “Tổng nổi dậy” hụt của năm 1968. Trong khi Cộng Sản lần chiếm miền Trung và các thành phố lần lượt rơi vào tay chúng, thì tôi đang dự một cuộc hội thảo về Nông Nghiệp tại Manille với các nước của A.S.E.A.N.

Các đồng nghiệp Phi Luật Tân của tôi đều khuyên tôi nên nán lại chờ đợi thời cuộc và nếu cần thì xin tỵ nạn chánh trị, nhưng tôi một phần vì nóng ruột muốn có mặt bên gia đình khi hữu sự, một mặt nữa tôi lại nghĩ mặc dầu Miền Nam có thể rơi vào tay Cộng Sản, nhưng nếu chịu khó hoà mình, thì cũng có thể sống tại quê hương yêu dấu. Nghĩ vậy nên tôi quyết định về Sài Gòn sau khi cuộc hội thảo chấm dứt.

Ngày 5-4-1975, tôi trở về Sài Gòn trong một bầu không khí ngột ngạt và kinh hoàng. Đồng bào đổ xô tản cư từ Miền Trung vào Sài Gòn có lẽ vì “quá thương” Bác và Đảng nên phải chạy bán sống bán chết để tránh xa. Các tỉnh lần lượt rơi như sung chín và rốt cuộc Sài Gòn bị bao vây tứ phía.

Những ngày cuối cùng của tháng Tư, những quang cảnh hỗn độn khiếp đảm diễn ra tại Sài Gòn với sự hấp tấp ra đi của những người Mỹ còn sót lại, những cảnh hôi của chung quanh các cư xá Mỹ, những cảnh chen lấn tại Tân Sơn Nhất và khu bến tàu. Tiếng súng không ngừng nổ và những đêm sau cùng, Sài Gòn hấp hối trong sự kinh hoàng. Có lẽ nếu tướng Dương Văn Minh không đầu hàng thì Sài Gòn sẽ chỉ còn là đồng gạch vụn vì bị pháo kích liên miên.

Sau khi lệnh ngưng bắn được tung ra thì một quang cảnh lạ lùng được tiếp nối: tiếng súng nổ dồn tan để chào mừng sự chấm dứt của một cuộc chiến tương tàn. Người dân Miền Nam thành thật hân hoan đón mừng tin ngưng bắn, nhưng chánh quyền Hà Nội lại tưởng lầm rằng sự vui mừng đó dành riêng cho họ.

Binh sĩ liệng bỏ vũ khí, quân phục Người dân sống trong sự hồi hộp để chờ sự chuyển tiếp với sự dè dặt và lo sợ, vì gia đình nào cũng có chồng con đi lính cho chính quyền cũ.

Để mong mỗi chính quyền mới khởi “để ý” đến gia đình mình, mọi người đua nhau đi mua cờ đỏ về treo và xoá bỏ hấp tấp các cờ vàng ba sọc đỏ sơn trước nhà. Có sống trong quang cảnh khó tả của Sài Gòn trong những ngày đó thì mới thấy được rằng: mặc dù chánh quyền cũ có tham nhũng, có khắt khe đến thế nào cũng không bằng sự khó thở, ngột ngạt của chánh quyền Hà Nội chỉ được đứng vững nhờ sự man trá và khủng bố.

Trong những cuộc biểu tình khổng lồ, chỉ có một thiểu số dân thật tình tham dự một cách tích cực, còn lại một số lớn bị ép buộc có mặt với lòng lo âu và cay đắng. Ta không thể nào trách được một số người Miền Nam vì sự sinh tồn phải tham gia vào chế độ mới, vì sự sống của gia đình và của chính họ. Lính “bộ đội” lan tràn vào Sài Gòn và các tỉnh Miền Nam. Cũng có những cảnh thân mật và cảm động được diễn ra vì “ba mươi năm mới có ngày này”. Có những cảnh sum họp đầy nước mắt, nhưng ai có ngờ đâu nước mắt sẽ không ngừng chảy sau ngày hội ngộ.

Sài Gòn không có cảnh máu chảy quá lộ liễu như ở Nam Vang, và vì dân chúng biểu lộ sự vui mừng bởi “hoà bình” đã được vãn hồi nên quốc tế xem đó là biểu tượng của một sự “nổi dậy” đòi

tự do. Những ai còn ảo tưởng sẽ mau lẹ nhận thấy rằng chế độ Cộng Sản đã hoàn toàn làm chủ Miền Nam, và những danh từ “lấy tình thương xóa bỏ hận thù” đều là một sự bịp bợm dối trá. Các cửa tiệm đều hàng loạt bị đóng cửa, bảng hiệu hạ xuống để chỗ trống rỗng chơi vơi. Thay vào đó là những biểu ngữ đỏ, những chân dung cụ Hồ to, cụ Hồ nhỏ, cụ đang đưa tay chào, cụ đang mỉm cười, cụ có mặt ở khắp mọi nhà, leo lên luôn cả trên bàn thờ tổ tiên. Biểu ngữ thường là chỉ có mấy câu lập đi lập lại “không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do”, màu đỏ ở khắp mọi nơi, màu đỏ khiêu chiến, màu đỏ của máu tươi.

Hàng loạt người bị bắt âm thầm trong đêm tối, hàng loạt sĩ quan và công chức bị gọi đi học tập cải tạo “trong một tháng”. Loa phóng thanh chất chúa giọng đanh đá của các xưởng ngôn viên bẻ miệng bẻ mồm chửi rủa Mỹ Ngụy.

Sài Gòn ngộp thở, Sài Gòn bị kèm kẹp lần lần trong hai gọng sắt. Tất cả các tờ báo đều bị đóng cửa, chỉ còn hai tờ “Sài Gòn Giải Phóng” và tờ “Nhân Dân” từ Bắc mang vào.

Đường xe lửa Xuyên Việt được vội vàng tái lập để đưa các cán bộ từ Bắc vào Nam, và vợ vết của cải Miền Nam chở ngược ra Bắc. Nếu không có lý do hoặc không thuộc “gia đình cách mạng” thì đừng hòng leo lên “đường tàu Thống Nhất” này. Các trò chơi xưa, các thú tiêu khiển cũ đều bị cấm đoán, thay vào đó là họp hành để tố cáo lẫn nhau, hoặc những trò tòn mỗn như “thiếu nhi đi lượm rác” hoặc “đi vét nương Xã Hội Chủ Nghĩa”.

Người dân phải làm mọi thứ đó với sự câm nín. Một cử chỉ phản đối sẽ bị cho là phản động và đưa thẳng vào nhà giam. Tôi đã quyết định ra đi. Không dám cho gia đình hay vì sợ bị cản trở, tôi âm thầm tìm đường vượt biển. Lúc đó đang có chiến dịch đốt sách báo “nhảm nhí” và nhạc “ru ngủ”, và một cuộc đổi tiền đang rục rịch tiến hành.

Tôi bán chiếc xe Daihatsu nhỏ với giá 3 triệu đồng thời bấy giờ và với số tiền đó, ngày 10-6-1975, một tháng sau khi Cộng Sản đặt nền móng cai trị tại Miền Nam, tôi ra đi với một bộ đồ cũ, bằng một tâm sự lo âu và rã rời.

Chiếc tàu đánh cá nhỏ chưa kịp rời Vàm Láng thì tên tài công đã mật báo với công an. Trong khi chờ đợi các hành khách lần lượt xuống tàu thì công an đã bao vây bằng nhiều tàu Hải Quân cũ. Lúc đó tôi đang ở trong khoang tàu. Tôi nhất quyết không thể sống chung với Cộng Sản, nên đã mang theo bột thạch tín hoà với ít nước trong một chai thuốc nhỏ mắt và hai ống thuốc ngủ. Trời ơi, trong khi di chuyển chai thuốc đã bể. Không còn suy nghĩ nữa, tôi nuốt trọn hai ống thuốc ngủ Valium.

Ngoài kia mặt trời lên cao, những hàng dừa rũ ngọn trên mặt nước lấp lánh bạc. Đất nước thân yêu thôi xin vĩnh biệt. Trong thoáng chốc mơ hồ, tôi như rơi vào khoảng không mù mịt...

Ba má ơi, con đi đây ...



CHƯƠNG 2



Hai ống thuốc ngủ, dầu là của Mỹ, chắc cũng đủ để đưa một gã thanh niên 28 tuổi đi đời nhà ma. Tôi tỉnh dậy với một cơn nhức đầu kinh khủng, trí nhớ như bị tê liệt, không thể nào biết được tôi đang ở đâu và tại sao. Sau một phút định thần tôi chống tay để ngồi dậy. Tôi nhận ra rằng tôi đang nằm trong một căn nhà rộng lớn tối tăm và hôi hám. Một bóng đèn nhỏ vàng vọt treo trên trần nhà đầy kẽm gai không đủ sức soi sáng một đám người lố nhố, ngồi la liệt trên nền xi măng ẩm ướt. Ở phía trái, tôi nhận thấy một cánh cửa sắt và một ô vuông nhỏ có chấn song; ở phía phải là một bức tường dơ dáy. Ánh sáng được lọt vào từ bức tường này bằng những ô vuông nhỏ cao quá đầu người. Hình như bên ngoài đang mưa vì tôi nghe tiếng hạt mưa rơi nặng trên mái ngói. Căn phòng bay mùi nước tiểu và rác rến. Những con gián và những con chuột cống còm cõi, ghê lở đang sục sạo trong đồng rác và chạy trên thân thể các người đang nằm. Tôi lồm giọng vì chợt nhận ra rằng mình đang nằm tựa vào một bức tường nhỏ ngăn cách với hố vệ sinh. Một tiếng động ở bên trái làm tôi kinh hoàng nhòe dậy mặc dầu đầu óc còn nặng như chì. Một ông già bé nhỏ, đầu bạc phơ, móm mém nói rằng:

– A, tỉnh rồi hả ? Tao tưởng mày chết rồi chứ ! Tối hôm qua mày lạnh ngắt, tụi nó tưởng mày “đi” rồi nên quăng mày ở đây. Tao không ưa nằm cạnh một thầy ma đâu !

Đưa tay sờ trán tôi, ông ta gật gù:

– Nằm nghỉ đi. Mày còn đang sốt nặng đó !

Tôi há hốc mồm nhìn ông lão, không tưởng tượng ra chuyện gì đã xảy đến cho mình. Nhìn nét mặt ngu ngơ của tôi, ông ta nhếch môi cười với vẻ châm biếm và thoả thích.

– Ông giáo sư của tôi ơi, ông đang ở trong tù, ông nghe chưa? . Đây là nhà giam của tỉnh Gò Công.

Tôi còn nhớ ông ta đã dùng chữ “PRISON” bằng tiếng Pháp, như để nhấn mạnh thực tế quanh tôi. Trời ơi! Chuyện mà tôi lo sợ nhất đã đến rồi!! Đầu óc tôi như chợt rơi vào khoảng không.

Vài giờ sau khi tôi tỉnh lại, ông Sáu, tên của ông già, kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra. Một đám bộ đội đã liệng tôi vào phòng giam hai ngày trước đây, hai tay trói sau lưng, mặt sưng bầm tím. Người ta bỏ tôi vào một xó nơi gần cầu tiêu và đồng rác. Cũng may, ông Sáu, một người có chức phận trong làng đã bị bắt nhốt từ đầu, cũng biết lai rai chút đông y, đã tìm cách rửa ruột cho tôi với những phương tiện eo hẹp của phòng giam. Ông nói với tôi rằng, mặc dầu với bộ quần áo rách rưới và gương mặt đầm máu, ông cũng đoán được tôi là một người trí thức và tôi gọi nhớ

đến hình ảnh con ông khi đi lính Cộng Hoà.

Sáng hôm sau, khi điểm danh, cán bộ chợt thấy tôi còn sống nên cho đưa tôi lên bệnh xá. Sau khi rửa ruột, vô nước biển, họ lại đưa tôi trở về phòng giam như cũ.

Trong một tuần lễ kế tiếp, tôi như nửa mơ nửa tỉnh. Nếu không nhờ ông Sáu ép tôi uống nước và ráng nuốt chút cơm nguội chan nước mắm thì có lẽ tôi cũng đã đi theo ông bà mất rồi.

Ông Sáu tìm cho tôi được một chiếc chiếu rách bươm để cho tôi đỡ lạnh. Tôi ở trong một tình trạng nửa mê nửa tỉnh, chiếc áo mưa trùm kín mặt và hai tay để tránh đàn muỗi quá ác. Mỗi lần có người đi tiểu tiện cách tôi một bức tường nhỏ, tôi cảm thấy nhân phẩm của mình bị chà đạp thêm xuống vũng bùn.

Văn phòng cán bộ trưởng trại có cho gọi tôi lên để lấy lý lịch, nhưng tôi cũng không nhớ mình đã nói những gì.

Mười lăm ngày sau khi tôi tới trại giam, người ta tuyển chọn khoảng vài trăm tù nhân để chuyển đi nông trường. Tôi có tên trong danh sách đó. Trong khi chờ đợi di chuyển, tôi viết vội vài hàng cho ba má tôi và nhờ ông Sáu bỏ bịch với tên gác cửa, tìm cách chuyển về cho gia đình tôi.

Một buổi sáng, mặt trời chưa ló dạng, chúng tôi bị đưa lên những chiếc xe đồ cửa nẻo đóng kín. Chúng tôi bị cột vào thành ghế bằng giây điện, cứ sáu người một hàng. Tụi cán bộ hình như hả hê thoả thích khi siết vòng giây vào cổ tay chúng tôi. Chắc hẳn họ đang thầm nghĩ: "Cho đáng đời tụi Ngụy!".

Sau những giờ dài vô tận, chúng tôi không biết họ đưa mình đến đâu, với lòng lo âu và tâm trạng rã rời, cộng thêm vòng giây điện ngày càng siết chặt làm tê cả hai cánh tay, chúng tôi rốt cuộc cũng đến nơi quy định.

Trại Mỹ Phước Tây nằm trong một diện tích khoảng hai mẫu ruộng, giữa một hàng rào dây kẽm gai chằng chịt. Những bãi mìn đầy cỏ hoang, và dưới sự kiểm soát chặt chẽ của 4 chòi canh cao ngệu. Xung quanh trại là ruộng lúa, một bên là vườn rau, và một con sông nước chảy đục lờ, nhưng đó cũng là nước uống, tắm giặt và nấu nướng. Điểm đáng lưu ý nhất là bãi mìn đầy cỏ hoang rậm rạp và hai hàng kẽm gai bao quanh trại, làm chán nản những ai có ý định muốn vượt trại tìm tự do.

Giữ trại, một cột cờ cao có treo cờ đỏ sao vàng, luôn nhắc nhở cho tù nhân số phận không may của mình. Ba dãy nhà lá thấp lè tè và mục nát làm thành hình móng ngựa bao quanh một sân vuông: đó là hai mươi phòng giam tội nhân. Giữa sân là một văn phòng xây bằng gạch, lợp tôlê; một dãy nhà cho cán bộ ở và hơi xa xa, phía chuồng heo và một dãy thùng "conex" là một căn nhà lá khá rộng dùng để giam giữ nữ tội nhân.

Mỗi phòng giam được rào kín lại bằng kẽm gai, và cái sân nhỏ xíu phía trước cửa là một ưu đãi đặc biệt cho bọn tù nhân. Phía sau trại là một vườn rau lớn, một cái ao nuôi cá Vồ và cũng để làm cầu tiêu. Còn chung quanh là mênh mông ruộng lúa, xa xa thấp thoáng vài cá nhà tranh, và bắc ngang con sông là một chiếc cầu sắt cũ kỹ gập ghềnh.

Tại chúng tôi khoảng một ngàn người, được phân phối ra từng nhóm 50 người, dưới sự kiểm soát trực tiếp của một trưởng phòng, thường là dân “chiêu hồi” hoặc cán bộ bị lỗi lầm, cùng vài “antennes” để theo dõi chúng tôi. Trưởng phòng và “antennes” tranh nhau lập công bằng cách tố cáo bọn tù để mong được “khoan hồng”. Cán bộ trưởng trại lúc bấy giờ là một con người khắc khổ luôn mang kiếng đen, hiện thân một hung thần của trại. Qua các trưởng phòng và các tên điếm chỉ, họ không cần vào các phòng mà vẫn biết chuyện gì đang xảy ra.

Mỗi tối chúng tôi phải “học tập” ba mươi sáu điều cấm lệnh và tự kiểm điểm các làm mỗi để xin được cứu xét. Tội lớn nhất là toan vượt trại và có ý định phản động. Không làm sao thoát được số phận lưu đầy, chỉ còn lối cuối cùng để tránh cảnh cầm giam là ngã bệnh nặng để được đưa ra vườn mì nằm dưới ba tấc đất và cuộn lại bằng manh chiếu rách và hai thước dây ny-lông.

Thật ra, trại cũng có một phòng y tế và chị Tư y tá cũng có vẻ tử tế và hết lòng với bệnh nhân, nhưng khổ nỗi là thuốc men rất ít, vì hoàn cảnh ở thành phố cũng vậy thôi, nên nếu ai ngã bệnh thì đó là một sự may mắn để mong được giải thoát khỏi địa ngục trần gian này. Chúng tôi phải đi làm ruộng, đào mương nhưng dụng cụ thì không có, nên phải cưa các ống đạn và mài lại để làm xẻng, cuốc, lưỡi liềm, lưỡi hái.

Giữa khu đất bùn sinh và tối tăm, giữa sự đói khát, nỗi dằn vặt tinh thần và sự ngược đãi của cán bộ, tôi đã phải cố sống lây lất trong suốt ba năm rưỡi trời dài đằng đặc.

Các bạn tù của tôi thuộc mọi thành phần và thuộc nhiều loại tội khác nhau.: Các tư chức nhỏ, sĩ quan, công chức, các viên chức xã ấp, thường dân bị bắt khi di chuyển hay bị tố cáo vu vơ về các tội lặt vặt như ăn cắp gà, uống rượu, đánh bài, nói xấu chế độ và cả những người không có tội gì cả mà vẫn phòng trại cũng không biết phải ghép họ vào tội gì, ngoài cách dán cho họ nhãn hiệu CIA của Mỹ.

Tôi có dịp được gặp những vị cố đạo, những nhà sư, các vị tổng thư ký của giáo hội Cao Đài, Hoà Hảo, luôn cả những thường dân dốt nát, luôn cả những phần tử chống đối, đặt bom, rải truyền đơn chống chính quyền Hà Nội. Tất cả chúng tôi đều sẽ bị giam giữ trong một thời gian không nhất định, móc meo và chết lần chết mòn trong khuôn viên nhỏ bé này. Gia đình chúng tôi có thảo bao nhiêu tờ đơn khiếu nại cũng bị quẳng vào sọt rác hoặc dùng làm giấy cuốn thuốc lá cho bọn cán bộ. Một cách duy nhất để được thả ra là nhờ sự can thiệp của một cán bộ cao cấp hoặc của mấy lượng vàng. Trong khi chờ đợi ngày được tự do quá xa vời, chúng tôi đành phải chấp nhận số phận hẩm hiu. Thật ra so với trại giam ở Gò Công thì “trại cải tạo” Mỹ Phước Tây

cũng tương đối dễ thở hơn, có lẽ nhờ sự hiện diện của cái sân nhỏ, mặc dầu bị rào kín nhưng cũng cho chúng tôi một chút khí trời để thở.

Vừa tới trại thì chúng tôi phải xếp hàng và chờ đợi cán bộ xét từng người. Giữa sân trại, dưới ánh mặt trời nóng bỏng, bọn tù cởi quần áo bày các món đồ linh kinh dưới đất giống như chợ trời. Cán bộ bắt đầu tịch thu tiền bạc và những gì có thể là vũ khí, luôn cả hình ảnh giấy viết. Từ đây chúng tôi chỉ còn là những con số. Tôi được chỉ định vào phòng số 9 và tôi được biết mặt trưởng phòng là tên Năm Sơn – một cán bộ chiêu hồi với nét mặt đàn độn ti tiện và dễ gây ác cảm...Hắn chỉ định cho tôi chỗ nằm trong một góc phòng. Tôi trải chiếc chiếu rách nát của ông Sáu cho, sau khi san bằng những chỗ lồi lõm bằng một cục đá. Tôi đặt gói quần áo xếp trong chiếc áo mưa bằng ny-lông ở đầu chiếu để thay gối, sắp xếp mấy chiếc lon Guigoz ở đầu nằm và chọc thủng một lỗ nhỏ trên tấm phen bằng lá để có được một tia nắng lọt vào chỗ nằm. Mặc dù mệt mỏi và đói khát, tôi cũng cảm thấy vui vui vì được may mắn có một chỗ nằm trong góc, có thể cho tôi thu hình trong xó tối để tránh sự ồn ào bức bối luôn xảy ra chung quanh tôi. Mấy lon sữa Guigoz rất quý cho chúng tôi vì loại lin này không sét, có thể đựng nước và thức ăn. Ở đây mọi thứ đều được lượm lặt và giữ cẩn thận để dùng trong mọi thứ: một khúc giấy để thay giấy nịt, một mảnh giẻ rách để vá quần áo, một miếng ny-lông để lót lưng nằm (một số tù nhân bị bệnh tê thấp vì nằm trên nền đất ẩm ướt). Cái chết không quyến rũ được tôi nữa, vì tôi nghĩ rằng mình chưa tới số, có lẽ còn nặng nợ, nên tôi cương quyết sống để nhìn đời mặc dù trong hoàn cảnh nào.

Sau khi dọn chỗ nằm xong, niềm vui cũng bay đi và trong phút chốc, tôi chợt nhận ra rằng mình đang đói lả. Khổ nỗi chung quanh tôi, một số tù nhân được gia đình tiếp tế từ Gò Công đang bày biện các thức ăn và đang nhai ngấu nghiến một cách ngon lành. Cách tôi khoảng hai chiếu, tôi chợt thấy một người đang ăn một đòn bánh tét vừa liếc nhìn tôi. Quá xấu hổ vì mình đang nhìn miệng người khác nên tôi vội quay đi mà trong lòng như muốn khóc. Gã thanh niên đoán là tôi nhìn đòn bánh tét của hắn nên đứng dậy và đến bên tôi. Sau một giây do dự, hắn ngồi bệt xuống chiếu, và dùng sợi giây lạt cắt đòn bánh tét làm đôi:

– Nè, ăn bánh này thử coi. Nhưn chuối đó. Bỏ tên gì?

– Tên Trọng. Cám ơn, bánh ngon quá.

– Tại sao bỏ bị bắt vậy?

– Tôi à? Tôi đang đi du lịch bằng tàu đánh cá và tàu lại đi lạc ra biển nên được tụi tuần hải đưa về đây nghỉ mát.

Hắn cười khanh khách, để lộ hàm răng trắng và sau khi ăn xong, hắn thu dọn lá chuối. Trước khi đứng dậy về chỗ nằm, hắn lại nói:

– Tui tên Bùi Thanh Lý. Nếu bỏ có cần chi thì cứ nói.

Hắn vừa nói vừa nhếch miệng cười. Một nụ cười méo mó. Góc trái của miệng hơi xệch lên cao làm cho hắn có vẻ ranh mãnh và chán chường mặc dầu hắn chỉ khoảng 20 tuổi.

Lý rất cao, khoảng bằng tôi và mảnh mai tuy thân thể rất rắn chắc. Mắt sáng, mũi thẳng, tóc dài và rậm che vàng trán hơi vồ có vẻ cứng đầu. Đôi môi dày, ít nói. Khi Lý nói chuyện thì hắn có vẻ như con nít, nhưng khi nhìn từ xa thì hắn có vẻ chán đời và mệt mỏi.

Thật ra lúc đầu tôi không ưa cái nụ cười thách thức đó, dáng đi ngổ ngáo và cách ăn mặc xốc xệch lồi thòi của hắn: một cái nón vải nhỏ rách rưới chụp nghiêng nghiêng trên đầu, một cái áo blouson vải kaki rách nát và hư cả dây kéo đưa ngực trần. Biết bao nhiêu điều mà tôi không thích. Thế nhưng sau này, chính những điều này lại trở thành thân thiết khiến tôi không bao giờ quên được Lý.

Vì Lý đã đến trại này trước tôi vài ngày nên biết rõ chương trình sinh hoạt của trại và giải thích sơ lược cho tôi biết:

– Thức dậy lúc 4 giờ sáng, sau tiếng kèng đầu tiên (tiếng búa gõ vào niềng bánh xe cam không cũ)

– Thể dục tập thể và độ 15 phút sau đó, chúng tôi phải chạy đi lãnh phần ăn: một chén cơm và một vá canh lỏng bỏng nước muối và vài cọng rau. Ở trại phát cơm 2 lần mỗi ngày, buổi sáng và buổi chiều. Thường thì buổi sáng chúng tôi chỉ ăn nửa chén cơm, còn nửa chén kia để dành buổi trưa. Chỉ vào những dịp lễ lớn chúng tôi mới được một tí thịt. Lý cho tôi biết rằng cứ theo “régime” này thì chắc chắn sẽ “mảnh mai”. Nếu muốn thay đổi thực đơn thì phải tìm cách hái rau muống, hái ngó sen hay lượm chuối ở dọc đường dẫn đến nông trường hoặc bắt cóc, nhái, rắn, lươn, luôn cả chuột, thằn lằn, rắn mối. Tuy nhiên không được chạm đến các chú khuyển, nay được dành riêng đặc biệt cho các cán bộ.

Lý nói với tôi:

– Nếu bỏ không thích những món này thì chỉ còn cách ăn muối và uống nước lạnh cho đỡ đói !

Khoảng 4 giờ rưỡi sáng, tiếng kèng thứ nhì tập hợp, chúng tôi đi nông trường, xa trại từ 5 đến 10 cây số. Nội chuyện đi bộ đến nông trường cũng đã làm chúng tôi mệt rã rời, vì phải lội sông, băng đồng với cái giá đội trên đầu lúc qua sông. Lỡ bị mất thì sẽ bị ghép vào tội “phá hoại của cải nhà nước” hoặc tội “phản động” có thể đưa chúng tôi vào ngồi conex.

Conex là những thùng sắt bí mật mà chúng tôi thấy nằm sau dãy nhà lá. Đó là những thùng sắt vuông vức hai thước mỗi cạnh, lúc xưa người Mỹ dùng để chứa khí giới cho quân đội Mỹ. Bây giờ trưởng trại dùng để nhốt những tội nhân (được gọi là người học tập cải tạo) cứng đầu hay phản động.

Cái thùng vuông không cửa sổ mà chỉ có một cánh cửa duy nhất. Cũng may mà các thùng này cũ kỹ nên khi đóng cửa lại, các tội nhân còn thở được bằng các khe hoặc các lỗ sét. Thế nhưng dưới sức nắng thiêu đốt của mặt trời và tình trạng bị đói, với nửa phần ăn thường ngày, thường thường các tội phạm bị vào conex chỉ vài tháng là ...đi đời nhà ma.

Chẳng thà ở ngoài chết sướng hơn, mặc dầu chúng tôi phải làm việc như những con vật. Thật ra từ khi vào trại thì tội nhân chỉ còn là một con vật, vì số trâu bò giảm bớt quá nhanh (các người “xấu miệng” nói là nhà nước đã “xuất khẩu” qua Liên Xô), nên chúng tôi phải kéo cày thay cho trâu bò. Đây là bằng chứng cụ thể nhất của “mức tiến bộ vượt bậc” của Xã Hội Chủ Nghĩa.

Khoảng 4-5 giờ chiều thì chúng tôi được lệnh quay về trại. Cũng con đường dài hun hút, lại thêm sự mệt nhọc của cả ngày làm việc và cái bụng trống không. Khoảng 6 giờ thì tiếng keng báo hiệu giờ cơm. Chúng tôi lãnh phần ăn trong các muỗng vừa hoặc lon sữa và chúng tôi ăn thăm trong bóng tối như những con vật. Nói thật ra thì cũng không phải hoàn toàn như những con vật vì khoảng 7 giờ tối, chúng tôi được phép “học tập”. Ngồi chung quanh tên trưởng phòng, các tội nhân phải nghe nhai đi nhai lại những lời tuyên truyền của tên trưởng phòng ngu dốt, tự trung để ca ngợi sự giải phóng của Đảng (mà chúng tôi đã có dịp thưởng thức suốt cả ngày) và tội ác của “đế quốc Mỹ” và quân đội “Ngụy”. Các tội nhân đều mệt mỏi nhưng cũng phải rón ngời nghe và giả vờ phấn khởi, hồ hởi, tán dương nếu không sẽ bị ghép vào tội phản động. Vì tên trưởng phòng được miễn lao động nên hẳn ta mặc tình mà nói thao thao không lộ vẻ gì mệt mỏi. Thế nhưng khi tiếng keng chót vào lúc 10 giờ báo hiệu đi ngủ, thì hẳn ta cụt hứng và kết thúc buổi “học” sau một tràng phào tay (chúng tôi vỗ tay vì mừng rỡ buổi họp được kết thúc, thế nhưng hẳn ta hớn hờ tưởng rằng được tán dương).

Tôi đã thấy tận mắt, nghe tận tai và sự thực còn ghê gớm hơn lời của Lý đã tả cho tôi biết, nhất là đối với những người không quen làm lụng tay chân như tôi. Dụng cụ thì thô sơ, đất cứ dính dẻo nhẹo vào giá xêng. Tay tôi lần hồi bị nổi mọng nước và khi bể ra đau thấu xương. Thế nhưng mặc dầu tay rỉ máu vẫn phải tiếp tục làm việc để cố cho xong phần của mình. Vài tuần sau đó thì trong lòng bàn tay đã nổi lên những cục chai và tôi đã có thể làm kịp các bạn.

Tôi nghĩ rằng “lao động” rất tốt vì các bắp thịt có cơ hội được dịp vận động. Có điều tôi không đồng ý với câu “lao động là vinh quang” vì chánh quyền đã sử dụng chiêu bài này để trả thù nhóm người công chức và quân đội Việt Nam Cộng Hoà bằng cách hạ nhục họ, bắt họ làm việc quá sức lực mà không cho ăn uống đầy đủ trong khi nhân phẩm họ bị chà đạp và sức khoẻ họ ngày càng giảm sút. Trên những con đường để trơn ướt, chúng tôi đi chân không, không guốc, không giày, kể cả đôi dép “râu”. Quần áo chúng tôi lần hồi bị rách mướp. Vì thể diện cũng như vì sự cần thiết, chúng tôi tìm cách vá víu lại.

Vì buổi sáng ở đâu, gió thổi khá lạnh, nên chúng tôi vá áo bằng nhiều mảnh giẻ rách đủ màu sắc.

Ai dè hiện nay kiểu quần áo này lại đang thịnh hành ở Âu Mỹ.... Ở giữa đồng không, trong buổi trưa nắng thật gắt, da chúng tôi bị cháy nám đen nên chúng tôi phải tìm cách làm nón bằng mọi thứ: giẻ rách, giấy bìa, lá chuối, luôn cả giỏ tre rách.

Có người đã tố cáo rằng chính quyền Hà Nội cho hành quyết những người học tập hoặc đầu độc họ. Tôi chưa được nhìn thấy điều này, ít ra trong trại tôi ở. Thật ra họ đâu cần dùng biện pháp đó, mà chỉ cần nhốt chúng tôi và bắt làm việc quá sức, trong khi đầu óc bị nhồi sọ ray rút, thì cũng đủ làm chúng tôi chết lần hồi, chết một cách tự nhiên mà không tốn đạn cũng không gây tiếng vang quốc tế. Thường thì bệnh tật hoành hoành trong các trại nhất là bệnh phù thũng, ho lao, kiết lỵ và bệnh sốt rét. Hầu như không có thuốc men gì cả. Thường thì một số tội phạm buông xuôi để chết lần mòn trong tuyệt vọng và nhục nhã. Các bạn cùng phòng sau khi báo cáo cho trưởng trại, để những xác chết đó được cuốn lại trong manh chiếu rách hay mấy thước ny lông rồi chôn sau vườn mì, không một nén nhang. Chỉ có niềm hy vọng là giúp cho các người “học tập cải tạo” cố gắng bám víu lấy sự sống. Hy vọng được sống để một ngày nào đó còn gặp lại gia đình. Chúng tôi – tôi hay dùng chữ “tội phạm” để nhắc nhở hoàn cảnh của chúng tôi dưới mắt của bọn cán bộ – sẵn sàng chờ đợi nhiều tuần, nhiều tháng. Đảng và nhà nước đã chẳng rêu rao câu “tình thương xóa bỏ hận thù” đó sao ? Có ngầy rồi chúng tôi cũng sẽ được “khoan hồng” ! Thế nhưng sau khi đợi 3 tháng, 6 tháng, 1 năm, 2 năm, 3 năm....một số tội nhân buông tay nhắm mắt vì không còn chịu đựng được nữa.

Một vài tội phạm cố tìm vui trong những cuộc “tình cảm” với các nữ tội nhân. Cũng có một số cô còn trẻ chỉ vào khoảng 15, 16 tuổi và rất đẹp. Khoảng độ 300 nữ tù nhân bị nhốt trong một dãy nhà tôn lợp lá nằm phía sau văn phòng và nơi cư ngụ của cán bộ. Dãy nhà được rào bằng kẽm gai, nằm ngay giữa sân giống như một hòn đảo huyền hoặc mà ánh mắt của các nam tội nhân thường hướng về đó. Nơi đây thường xảy ra những cuộc đánh lộn và cãi nhau. Đây là một trong các trại “phục hồi nhân phẩm” để dạy họ một nghề. Ý định thì hay nhưng sự thật rất đau lòng. Họ bị nhốt như những tội phạm và được học một nghề duy nhất là đan đệm. Sau một thời gian “học tập tốt” họ được thả ra, nhưng chưa chắc nhân phẩm của họ đã được phục hồi. Thường vì các nữ tù vì tự ái, không liên lạc với gia đình, hoặc vì gia đình quá nghèo hay ở quá xa nên đa số không được thăm nuôi. Ngoài sự mất tự do họ còn thiếu thốn về vật chất nên dễ sanh ra cau có gắt gỏng rồi gây gổ đưa đến ẩu đả. Tội tôi đứng xem , từ trong vòng rào kẽm gai của dãy trại nam và vỗ tay cổ vũ , vui cười. Đó là những dịp duy nhất để chúng tôi giải trí.

Các nữ tù được đặt dưới sự kiểm soát của nữ cán bộ và sự trực tiếp trông nom của bà Tám mập, một mụ tú bà đang trên đường hoàn lương. Bà Tám ngự trị trên đám con dân một cách nghiêm khắc, đi đâu cũng có cây roi mây trên tay. Thế nhưng các nữ tù rất mến bà và gọi bà là Má Tám. Bà ta khoảng 50 tuổi và còn khá đẹp mặc dầu hơi “sỗ sũ”. Bà ta đặc biệt có dáng đi đủng đỉnh như con vịt bầu và cái miệng không ngừng hoạt động. Nhiệm vụ của bà ta là dàn xếp những cuộc cãi nhau và rình rập để ngăn chặn hoặc báo cáo những sự liên lạc có thể xảy ra giữa các nam,

nữ tù nhân. Có đôi lần, không chúng tôi đi lao động cũng có dịp được đi gần một số các cô đi gánh nước, nhưng chúng tôi không dám nói chuyện vì điều lệ của trại cấm các nam, nữ tù nhân nói chuyện với nhau. Chúng tôi chỉ còn biết nói chuyện bằng mắt. Cũng may điều lệ của trại không có dự trù khoản này. Nói nghe thì thật thơ mộng, nhưng vì quá lo nghĩ nên tôi cũng không thiết đến việc này, tôi chỉ cần một người bạn để tâm sự.

Sau vài lần nói chuyện với Lý, chúng tôi chỉ trao đổi vài câu với nhau trong mấy tuần lễ sau đó. Tôi thấy Lý chuyện trò với mấy người nằm gần và tôi cũng có lần nói chuyện qua loa với người nằm chiếu kế bên tôi. Chúng tôi chơi trò cút bắt như vậy, mặc dầu trong lòng tôi cảm thấy trống trải và rất cần một người bạn để tâm sự. Có lẽ Lý cũng nghĩ như tôi, vì đôi lần tôi nhìn lén qua bên kia chợt bắt gặp Lý đang nhìn lại, tôi tăng lờ, rồi quay mặt vào vách mà thở dài. Kinh nghiệm trong tù cho tôi biết rằng con người có thể chấp nhận sự thiếu thốn về vật chất nhưng khó mà chấp nhận được sự thiếu thốn tình cảm và sinh lý.

Lần hồi, sống chung đặng trong một khoảnh đất nhỏ hẹp, trong tình trạng tuyệt vọng này, chúng tôi trở thành những con người bủn xỉn, bần tiện, dữ tợn và hay gây gổ. Chúng tôi thay đổi tánh tình và gây nhau vì những chuyện nhỏ nhặt. Có người trước đây rất kín đáo, nay trở thành người tò mò, nhiều chuyện và độc ác. Lúc đầu, mỗi lần có người chết hay bị tai nạn vì đập phải mìn, chúng tôi than thở, xót xa và buồn bã. Sau đó chúng tôi dửng dưng như thấy một việc tầm thường. Rồi với tháng năm qua, khi có người chết đi, chúng tôi lại cho rằng họ có phước vì chết đi là rảnh nợ....

Những mối tình bạn thường được nảy nở quanh một giỏ đồ ăn thăm nuôi và tình cảm cũng phai lạt dần khi đồ ăn trong giỏ vơi đi. Trong trại, để khỏi bị phạm 1 trong 36 điều cấm lệnh, bọn tù chỉ còn cách nói chuyện về ăn uống. Họ bàn tán về những món ăn xưa hoặc những bữa tiệc thịnh soạn mà họ sẽ thưởng thức một khi đã ra trại. Nhóm khác thì lại bàn về chuyện đàn bà, chuyện tiếu lâm và kể nhau nghe những mẩu chuyện mà ai nghe qua cũng phải đỏ mặt. Sau những lúc đó có lẽ họ lại trở về với nỗi cô đơn càng thấm thía hơn nữa. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho họ và cho cả tôi nữa.

Ở đây, sự thiếu thốn lại có khi giúp một số người tỏ rõ tình người. Ông Sáu đã cứu tôi ở trong tù Gò Công, giúp cho tôi lấy lại sức, cho tôi manh chiếu đắp, cho tôi mấy cái lon cũ để đựng thức ăn. Trong tù, vì thiếu thốn về thuốc men, chúng tôi săn sóc cho nhau bằng cây, bằng lá, bằng rễ, bằng cách cạo gió hoặc giác hơi. Trong phòng tôi, lại có thêm một bác sĩ: bác sĩ Thát, nhưng cũng đành bó tay vì thiếu phương tiện máy móc và thuốc men. Nhà sư Thiện Tâm, khá rành về môn châm cứu, đã cưú cũng khác nhiều người trong trại, hơn cả ông bác sĩ kia nữa.

Riêng tôi, từ khi bị bắt đền giờ, tôi không được tin tức gì của gia đình dầu tôi tin rằng ba má tôi đã nhận được tờ nhắn tin mà tôi đã nhờ ông Sáu tìm cách gửi từ Gò Công. Gia đình tôi có lẽ đã

biết rằng tôi còn sống và đã bị bắt, nhưng không biết tôi đã bị chuyển đi đâu.

Không biết gia đình tôi hiện sinh sống ra sao, gia sản đã bị tịch biên chưa? Anh rể tôi đã đi trình diện “học tập cải tạo” chưa ? Không hiểu chánh quyền địa phương có làm khó dễ gì gia đình tôi không? Hiện giờ ở trường Đại Học Nông Nghiệp có lẽ người ta đã thấy sự chống đối tiêu cực của tôi bằng bỏ trường, bỏ nước ra đi, không hiểu những đồng nghiệp của tôi nghĩ gì ? Những câu hỏi cứ tiếp tục quay cuồng trong đầu óc tôi, trong khi thân xác tôi càng ngày càng kiệt quệ. Ngay lúc đó, trưởng trại lại tiếp tục gọi tôi lên thẩm vấn.

Họ trói tôi hay tay ra sau lưng và dẫn tôi lên văn phòng trưởng trại – một căn phòng trống rỗng với một bàn và hai chiếc ghế. Trên tường là hình “bác Hồ” và một biểu ngữ to tướng “Không Có Gì Quý Hơn Độc Lập Tự Do” cạnh một cây cờ đỏ sao vàng.

Có người đã ví von rằng: “Cộng sản quả thật là hay. Cụ Hồ đã làm đúng lời cam kết trên biểu ngữ. Tiếc thay cụ chỉ có làm xong việc phân nửa rồi bỏ dở vì hiện nay đảng và nhà nước đã thực hiện xong phần đầu của kế hoạch : nghĩa là hiện nay Miền Nam “KHÔNG CÓ GÌ” hoặc “KHÔNG CÒN GÌ ” cũng được !”

Nói về sự dí dỏm của dân Miền Nam, xin mở đầu ngoặc để kể vài mẩu chuyện con con, chứng tỏ sự bất mãn của dân chúng đối với chế độ Cộng sản. Trẻ em hay sửa bài hát hoặc câu biểu ngữ của chính quyền mới. Các bà các cô khi gặp các công an mặc áo vàng thì nói nhỏ với nhau là “bò vàng”. “Xã Hội Chủ Nghĩa” được biến thành “Xếp Hàng Cả Ngày” và các danh từ quái dị của họ cũng bị méo mó đi để chế diễu.

Tôi đang mỉm cười vì những chuyện đó thì giọng the thé của tên cán bộ lôi tôi trở về với thực tại.

– Tại sao anh định rời bỏ Việt Nam?

– Đồng đảng của anh mấy người ?

– Anh cho biết chiếc tàu Mỹ nào đang đợi các anh ngoài khơi ?

Những câu hỏi như những nhát búa bổ vào đầu tôi . Tên cán bộ đi vòng quanh chiếc bàn khiến tôi phải nhìn theo hắn khi trả lời, đầu óc tôi bị quay cuồng đảo lộn và trong ánh nắng chói lòe từ cửa sổ, tôi chột mắt thẳng băng và không còn nghe, không còn hiểu những gì hắn nói nữa.

Tôi mơ màng thấy hắn dần một khẩu súng lục trên bàn. Tôi mừng tượng thấy mình đang tuột rơi vào một hố sâu xoay tít và không còn biết gì nữa cả.

Cũng nhờ tôi bất tỉnh vào lúc ấy nên họ mới khiêng tôi liệng trở lại phòng giam. Các bạn cùng phòng cho tôi biết là thường khi hắn ta bắt đầu dần súng lên bàn là sắp tới màn tra khảo. Có người bị đánh bằng cây hoặc bằng báng súng đến đổ máu. Sau đó , có lẽ vì số người bị bắt quá

đồng, họ chỉ phát cho chúng tôi giấy và bút đề là “Phiếu lý lịch và tự kiểm”. Chúng tôi phải “thành thực” kể lại gốc tích từ hồi còn đi học, kể tên họ chức vụ, địa chỉ của các bạn bè, anh em, cô bác, ông bà nội ngoại luôn cả ông sơ, bà cố. Chúng tôi phải tìm xem những hành vi của mình có “phản động” và “chống lại nhân dân” không và phải tố cáo những gì mình biết về các bạn đồng trại, hoặc các người còn bên ngoài để chúng tìm bắt.

Chúng rêu rao rằng nếu “thành thật hối cải” và khai đúng sự thật thì sẽ được khoan hồng và được trả tự do nếu “học tập tốt”, “lao động tốt” và “tự kiểm tốt”.

Thật là một trò hề, thật là một sự gạt găm vô nhân đạo. Chúng tôi bị giam tại đây cũng chỉ vì lỡ sanh ra dưới chế độ cũ, không làm lính thì cũng làm công chức. Như vậy là có tội với “nhân dân”. Chúng tôi bị giam tại đây cũng vì không cùng một tư tưởng với chủ nghĩa cộng sản. Vả lại, chủ nghĩa này không cần người dân có tư tưởng, mà chỉ cần những con múa rối mà thôi. Tôi ghét nhất là những luận điệu xuyên tạc, bóp méo sự thật của chủ nghĩa này. Họ luôn luôn đề cao tự do độc lập nhưng lại cúi đầu trước quan thầy Liên Xô vĩ đại cùng với “đồng chí anh em Bắc Kinh” vì họ nói là hễ “môi hở thì răng lạnh.”

Quả thật vậy, sau khi xích mích với đồng chí anh em Bắc Kinh, chỉ “hở môi” là đồng chí “tay sai” lại lạnh run ngay.

Đời sống tại trại Mỹ Phước Tây cứ tiếp tục như một cái máy. Ngày tháng trôi qua như cơn ác mộng hãi hùng.. Ngày dài vô tận, đêm cứ không thôi. Trong sự chết chóc, tù đầy và đói khổ, trong sự uất hận, căm tức, con người lần hồi đi đến sự tự hủy diệt, từ thân xác đến tâm hồn. Tôi không còn muốn chết nữa mà muốn sống một cách mãnh liệt, để xem trò đời sẽ đi tới đâu. Và lúc ấy, tình bạn đã đến với tôi.



CHƯƠNG 3



Ngày hôm đó, chúng tôi được chỉ định để vét một con kinh bị đất lở và cây cỏ mọc gần bí kín. Nói về các “con kinh ta đào” của chính quyền Hà Nội bày ra để đày đoạ dân miền Nam, tôi nhận xét rằng có một số kinh cần thiết để cho sự di chuyển của thuyền ghe, và một số kinh dùng cho sự canh tác. Thế nhưng, có một số kinh mà bọn tù cải tạo chúng tôi phải đào lại không có mục đích gì ngoài sự đày đoạ chúng tôi. Các kinh đó nằm trong những vùng đất đầy phèn chua, nơi mà không có gì mọc được ngoài những ruộng đưng. Đưng là một thứ cỏ lác mọc hoang nơi các đầm lầy, được dùng để lợp nhà hoặc đan đệm.

Đào đất sinh là một công tác giản dị nhưng ôi thôi khổ sở vì dụng cụ thô sơ, cuốc xuống thì mòn lẳng, cán cây lại cứng đơ nên đất sinh dính vào dĩa, liệng không đi.

Hôm đó tôi được chỉ định công tác trên một khoảng độ mười thước kinh. “Đực Râu”, tên “antenne” hướng dẫn chúng tôi dùng một que cây để đo phần đất của mỗi người. Hắn đi lại trên đê, tay cầm que que như thống chế đi duyệt binh, thấy thật dễ giận. Trong khi đó, chúng tôi lội bì bõm trong bùn, cố moi sinh để đắp lên bờ. Leo lên gần bờ thì mớ đất đã tan đi đâu mất. Tôi muốn chảy nước mắt và thần thờ nhìn phần công tác của mình, tự hỏi biết chừng nào mới xong. Thật ra từ hồi còn là sinh viên, tôi cũng hay đi bơi lội và thích thể thao nên đối với tôi, mặc dầu “lao động” quá sức tôi vẫn cố gắng hoàn thành. Nhưng tôi cảm hận vì việc đào kinh này chẳng đem lại lợi ích gì cho “nhân dân” cả. Đây chỉ là một trong những sự ngu xuẩn của bọn cầm quyền mới này mà thôi.

Lúc ấy, Lý làm việc bên cạnh tôi nên hắn thấy tôi tiu nghỉu như vậy bèn tội nghiệp:

– Thôi bỏ, ráng lên đi! Tôi làm xong sẽ giúp cho bỏ!

Các bạn đồng đội khác cũng hì hục lặn nhào trong bùn sinh, trong khi tên Đực Râu ngồi hút thuốc lào. Ở xa xa mấy cán bộ võ trang đang nói chuyện trên bờ đê.

Tôi bì bõm lội trong sinh và làm xong một phần tư phần được chỉ định trong khi Lý đã làm hơn nửa phần của hắn.

Tôi thấy Lý leo lên bờ để nghỉ xả hơi. Thấy Lý ngồi xuống bờ đê, tôi định kêu hắn trở xuống thì đã nghe giọng hách dịch của Đực Râu:

– Ê, thằng kia ! Ai cho mày nghỉ mà mày ngồi đó ?

Hắn ta làm một du kích, sau theo chiêu hồi và được trưởng trại tin dùng nên hắn rất lên mặt.

Tôi định ra hiệu cho Lý xuống làm tiếp, vì thật ra chúng tôi cũng được phép nghỉ một chốc lát, nhưng phải nghỉ tại chỗ, nghĩa là đứng dưới kinh. Chỉ khi nào có phép mới được lên bờ để ngồi nghỉ. Lý vẫn ngồi và thần nhiên trả lời:

– Tôi đã gần xong phần công tác, nghỉ một một chút không được sao ? Lội dưới nước mệt lắm chớ phải như ngồi trên bờ đâu.

Một sự im lặng bỗng nhiên bao trùm lên chỗ chúng tôi làm việc. Những cặp mắt lơ lơ một mỗi bỗng sáng lên, chúng tôi thoả mãn vì có người đã nói lên ý nghĩ của chúng tôi.

Đực Râu giật mình, hắn ta ngạc nhiên vì có người dám trả lời lại hắn.

– Ê, thằng kia, lại đây tao biểu!

Hắn hách dịch gọi Lý, hai tay bẻ cong cong cây que. Tại chúng tôi ngưng móc đất, buông vôi đá xềng để theo dõi. Lý điềm nhiên đứng dậy, và khi đến gần Đực Râu khoảng một thước, Lý đứng lại chờ đợi.

Mấy tháng lao động đã làm cho Lý hơi gầy, song thân thể vẫn còn khỏe mạnh. Tôi thoáng thấy nụ cười xênh xếch trên khoé môi Lý và chợt mong rằng Lý sẽ tặng cho Đực Râu một quả đuối vào bộ mặt khả ố của hắn, nhưng tôi lại sợ cho những hậu quả mà Lý sẽ gánh chịu. Đực Râu đang hoang mang không biết xử trí ra sao, vì khi nhìn lại thân thể gầy còm của hắn, bề cao thì thua hẳn Lý, hắn sợ sẽ bị Lý đánh trả lại, vì cán bộ lúc đó ở khá xa. Khi họ can thiệp thì hắn đã toi bời hoa lá. Chắc hẳn nghĩ vậy nên dùng kế hoãn binh:

– Đồ làm biếng, đi tiếp tục làm xong phần công tác của mày, khi về trại sẽ tính sau.

Lời hăm dọa làm cho hắn lấy lại phong độ. Hắn quay qua đuối tù tiu nguỉ đang tiếc rề vì không xem được một màn thoả đáng, nói:

– Tại bay làm gì đứng đó? đi làm tiếp tục. Đồ phản động.

Tôi thấy mếu Lý từ đó. Sau trận cãi vã đó, chúng tôi lặng lẽ làm việc và sau khi xong công tác, Lý âm thầm sang làm tiếp phần của tôi còn dang dở.

Trên con đường về trại, tôi âm thầm lo sợ cho buổi kiểm thảo chiều nay. Thật vậy, đêm hôm đó, trong buổi học tập sau phần sơ khởi thường xuyên, Năm Sơn, gã trưởng phòng với khuôn mặt phì nộn và nhiều đa nghi, đã được báo cáo liền sau khi chúng tôi đi công tác về, vôi đề nghị với Đực Râu báo cáo về công tác trong ngày.

Chúng tôi mỗi một sau một ngày làm việc nên gần kiệt sức, nhưng vẫn không dám dựa vào vách lá. Phần tôi thì đã dự bị sẵn một cái gối rom để chèn sau lưng, nên không lấy gì khổ sở lắm. Tuy nhiên trống ngực tôi đánh liên hồi khi Đực Râu kể lại mẩu chuyện ban sáng và thêm thắt:

– Anh Lý đã cãi lệnh công tác và định hành hung người hướng dẫn. Anh Lý khinh khi “lao động” trong khi cụ Hồ đã bảo “lao động là vinh quang”. Anh Lý đã đi ngược lại đường hướng của nhân dân. Đề nghị tập thể báo cáo lên cán bộ trưởng trại để làm gương.

Báo cáo lên trưởng trại đồng nghĩa với đi vào con nex vài tháng sau là theo ông bà. Năm Sơn cũng không ưa gì Đực Râu, nên hỏi lại tập thể:

– Anh Lý có gì để bào chữa không? Xin tập thể cho ý kiến.

Lý lấp vấp trả lời. Đực Râu khôn khéo gài cho Lý nổi giận. Tập thể mệt mỏi không có ý kiến gì. Năm Sơn liền hỏi:

– Nếu tập thể không có ý kiến, thì tôi lấy quyết định. Có ai còn gì để nói nữa không?

Tôi ngạc nhiên nghe tôi nói, giọng lạc hẳn vì quá xúc động. Tập thể im lặng quay nhìn tôi. Lần hồi tôi lấy lại bình tĩnh:

– Thừa trưởng phòng, thưa tập thể. Trưa nay tôi làm việc gần anh Lý, nên xin làm nhân chứng. Quả thật anh Lý có lên bờ ngồi nghỉ, nhưng khi bị quở trách thì anh Lý tiếp tục làm việc và đã xong phần công tác. Có lẽ vì quá mệt mỏi nên anh Lý có trả lời lại với trưởng nhóm, nhưng tôi không nghe anh Lý có lời lẽ khi lao động. Xin tập thể xét lại.

Căn phòng im phăng phắc. Bỗng nhiên, anh trưởng nhóm Hai Lung từ nãy giờ chưa có ý kiến, lên tiếng làm tập thể nín thở để theo dõi. Hai Lung khi xưa là thư ký ở xã, nay cũng là một “antenne” nhưng rất được cảm tình của anh em.

Hai Lung đưa tay về phía trước:

– Xin có ý kiến. Để tập thể có chút thời giờ sửa soạn đi ngủ vì đã gần giờ giới nghiêm, tôi xin vắng mặt: anh Lý thuộc nhóm của tôi, nhưng hôm nay vì có công tác ở văn phòng nên tôi không có mặt tại Kinh Một. Nhưng tôi xác nhận rằng anh Lý lao động tốt. Nếu lần này anh Lý có vi phạm kỷ luật thì tôi xin đề nghị tập thể phạt cảnh cáo anh Lý, bằng cách làm “tự kiểm” và nộp cho trưởng phòng, đồng thời hứa với tập thể không tái phạm nữa. Xin tập thể cho ý kiến.

Căn phòng nhộn nhịp lại. Kẻ nói tới, người nói lui. Bị nhốt lâu ngày không có gì để nói, người ta thêm nói; chuyện gì cũng bàn từ chuyện mua một cây chổi đến chuyện lỗi lầm nhỏ nhặt của nhau. Sau cùng Năm Sơn lên tiếng:

– Tôi kết luận: tập thể cảnh cáo anh Lý, nhưng không báo cáo lên trưởng trại. Đề nghị bế mạc họp.

Lý đã thoát khỏi conex trong đường tơ kẽ tóc. Chiều hôm sau, Lý nhận một tờ giấy và một cây viết Bic để làm “tự kiểm”...

Tôi thấy Lý tần ngần một lúc lâu hình như suy nghĩ lắm và sau cùng đến chỗ tôi nằm để nhờ viết dùm:

– Bỏ viết dùm tôi đi, Biết gì mà viết bây giờ? Thiệt là rắc rối. – Hẳn đồ mặt nói.

Vỡ lẽ ra thì hẳn ta viết chữ Việt cũng chưa thạo, nói gì đến “tự kiểm”. Và cũng nhờ dịp đó mà tôi hiểu rõ gia cảnh của Lý hơn, dễ thông cảm với Lý hơn nữa.

Gia đình Lý sinh sống ở Nam Vang từ lâu đời rồi, và làm ăn buôn bán rất phát đạt, cho đến năm 1970 khi có chuyện hiềm khích giữa hai chính phủ Miên-Việt, Việt Kiều hồi hương đổ xô về Việt Nam để tránh sự giết chóc và từ đó bắt đầu một cuộc đời trôi nổi cho Lý.

Má Lý vội vã mang mớ hành lý và 3 đứa con trở về Việt Nam trước để tránh nạn, còn ba Lý ở lại

để thu xếp và cố gắng cứu vớt chút vốn liếng, hẹn sẽ sang Việt Nam sau. Ba Lý biệt tích luôn từ đó.

Má Lý chờ đợi tuyệt vọng và một năm sau đó lập gia đình để cố gắng nuôi con. Lý là con lớn, năm đó đã 14, 15 tuổi. Ở Nam Vang Lý học chữ Miên và khi qua Việt Nam, không thích đi học tiếp, vì miếng cơm manh áo và vì hai đứa em gái còn nhỏ dại. Má Lý định cư tại Mỹ Tho, nơi còn vài người thân thuộc. Khi người cha ghe bước chân vào nhà, thì Lý bắt đầu cuộc sống lưu lạc vì không hợp với người chồng sau của mẹ, và lại Lý không nghĩ rằng cha mình đã chết. Nó bỏ nhà đi rong với đám bạn bụi đời, và làm tất cả các nghề, bán báo, đánh giày, khuân vác ở bến tàu, đập xích-lô và sau cùng khi “giải phóng” về thì hấn ta đang làm nghề dẫn mối và bảo vệ các cô gái ăn sương.

Lẽ dĩ nhiên trong cuộc đời gian truân ba chìm bảy nổi chín lênh đênh, Lý đã có dịp vào tù ra khám với những tội lặt vặt như đánh lộn hay bài bạc. Chưa đầy hai mươi tuổi mà Lý đã nhìn đời với cặp mắt chán chường, đời đã dạy cho Lý những bài học chua cay. Hấn ta thù đời vì đời nhiều bất công, nhưng khi Miền Nam bị chiếm đóng, thì Lý lại đâm ra ghét bọn người mới đến cầm quyền. Trong một buổi say sưa, Lý đánh lại một tên bộ đội khi tên này định lên mặt trong một quán rượu. Và Lý bị bắt nhốt tại trại giam Mỹ Tho một tháng sau ngày 30 tháng 4. Lý được đưa tới trại Mỹ Phước Tây chỉ vài ngày trước khi tôi đến.

Sau này tôi được biết rằng Lý gọi chuyện với tôi và chia bánh tét cho tôi vì hôm đó tôi ăn mặc bộ đồ cũ mềm để khỏi bị để ý khi vượt biên. Khi biết được rõ chuyện tôi là giảng viên đại học, Lý ngỡ ngàng, nhưng có lẽ đã rõ tính tình tôi nên hấn đâm ra mến tôi và từ đó chúng tôi thân thiết với nhau hơn nữa.

“Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”, thời gian dài lê thê. Chúng tôi ăn uống cực khổ, làm việc như những con vật và bị bạc đãi, đánh đập khi vi phạm kỷ luật., nhưng sao vẫn sống. Con người sinh ra để ham sống, dầu hoàn cảnh nào đi chăng nữa. Nhưng sự cô đơn làm cho con người mau bi quan và chán nản. Từ khi có bạn, cuộc đời tôi như bớt phần tù cực. Trên con đường dài hun hút, dầu miệng đắng lưỡi khô, chúng tôi kể nhau nghe những mẩu chuyện vui và cười lên như trẻ con. Nhớ nhà cũng phôi pha và cuộc đời có ý nghĩa hơn. Thời gian sau này, khẩu phần chúng tôi từ 12 kí gạo một tháng bị giảm xuống còn có 9 kí, và phần canh cũng chỉ còn có ít cọng rau hay một chút bí rợ với nước muối. Lý rất lanh lợi và trên đường đi công tác, luôn luôn tìm ra rau muống hoặc rau mồng tơi về nấu ăn đậm cho đỡ đói. Lý cũng khá khỏe, nên hay tìm vác củi khô về để nấu nước uống, vì nước ở đây rất độc, uống nước sống dễ bị thổ tả. Từ hồi vào trại tôi đã thấy nhiều người bệnh bị đưa ra nằm ngoài “vườn mị” nghĩa là nghĩa địa gần chỗ trồng mị.

Lý lo phần ăn uống, tôi thì dờ nên đành chịu lép, cũng may có tài vá quần áo nên cũng được nhờ.

Khi nào rảnh tôi hay vá quần áo cho tôi và IL, chả lẽ mình không xài vào được việc gì sao. Nghĩ lại cũng vui vui.

«Đội» chúng tôi được 50 người, hôm nọ được chỉ định đi cắt lúa. Ở đây trồng lúa xạ, vì nước ngập rất cao. chỉ có loại lúa này theo nước nên mọc được. Lúa xạ thưa và ít hạt, nên cắt lúa rất mệt mà khó đạt chỉ tiêu, nghĩa là phần công tác được giao, khoảng một ôm lớn chừng một thước rưỡi bề vòng. Cắt lúa hay bị đứt tay vì lá lúa bén mà tôi không quen, nên Lý hay giúp đỡ tôi. Trong những dịp đó, tôi lại thấy quê hương mình đẹp làm sao, trên đồng lúa vàng ló nhỏ vài chiếc nón lá thật hữu duyên.

Thật ra lúc sau này, chúng tôi làm công tác cho cán bộ, vì họ đề cao chế độ vô sản, nhưng họ lại muốn có gia sản riêng, xe cộ hoặc đất đai, ruộng vườn.

Chánh quyền Hà Nội chủ xướng việc đấu tranh giai cấp, nhưng chính giới lãnh đạo lại làm nảy sinh ra một giai cấp thống trị chuyên chế, sống phè phỡn trên đa số dân vô sản. Chính tôi cũng đã phản đối sự bất công trong xã hội cũ, những tưởng chánh quyền Cộng Sản sẽ đem lại cho dân chúng sự no ấm. Nếu như giới lãnh đạo đòi hỏi dân chúng “hy sinh” thì lẽ ra chính họ phải làm gương bằng cách tự nghiêm khắc với họ. Đảng này sự tham nhũng càng lan tràn, càng lộ liễu, và càng sâu rộng hơn. “Đừng nghe những gì họ nói mà phải nhìn những gì họ làm”, thật đúng thay.

Nói về chuyện ăn uống mà không nói về chuyện cầu xí thì thật là thiếu sót. Mà nói thì lại kỳ quá. Nhưng sự thật là trong trại chúng tôi có một ao cá tra thật lớn, trên làm cầu và dưới thả bè nuôi cá, thật là nhất cử lưỡng tiện. Đi tiểu tiện cũng có giờ giấc, bởi vì bọn tù chỉ được phép đi ra ao cá tra buổi sáng từ 4 giờ tới 5 giờ, và buổi chiều từ 6 giờ. Ngoài giờ đó, cửa cầu đóng kín: ao cá được rào kẽm gai cẩn thận. Họ sợ bọn tù lén bắt cá để ăn.

Thật ra, “đi” cách này rất thích thú khi có gió mát nhưng khi mùa mưa tới, nước ngập tràn lan và nước trong ao bắt đầu mặn thì công việc nuôi cá phải đình chỉ lại. Bọn chúng tôi phải lặn hụp trong đầm lợ bình dơ bẩn để lưới tất cả đám cá tra ở trong ao. Tôi thực hành công tác một cách thản nhiên. Nghĩ rằng tới bước đường cùng này, còn gì mà giữ gìn nữa. Với tâm trí thanh thoi như vậy, mà khi đối diện với...thực tế tôi phải rùng mình. Nhớ lại có lúc phải gánh phân đi tưới cải, tôi cảm thấy mắt mình hơi cay cay. Từ đó tôi sợ phải ăn cá và sợ luôn cả ăn cải. Thế nhưng không ăn lấy gì mà sống.

Hết mùa nuôi cá, nhưng vì vấn đề vệ sinh vẫn tiếp tục nên trường trại ra lệnh chúng tôi đào những hố thật to, bắt ngang đó những miếng ván gập ghềnh. Vậy là xong những hầm cầu dã chiến. Từ đây, mỗi lần đi vệ sinh là một cực hình đối với tôi. Đây là cách nhắc nhở bọn tù chúng tôi là nhân phẩm chúng tôi không còn gì nữa cả.

Nếu họ đánh đập và chửi mắng chúng tôi thì chúng tôi cũng buồn có một, mà bắt buộc chúng tôi sống như những con thú vật, thì chúng tôi buồn cho thân phận chúng tôi gấp mười. gấp trăm lần. Thêm vào đó sự tủi nhục được tái diễn hằng ngày qua những giờ điểm danh. Nếu điểm danh ngoài sân cỏ thì còn đỡ vì chúng tôi đứng có hàng có lối như quân đội, có đội trưởng báo cáo số hiện diện và cán bộ đếm lại kiểm soát. Còn điểm danh trong phòng khi trời mưa thì phải ngồi lom khom như con chó. Gặp phải cán bộ dữ dằn thì phải nhận thêm vài cây gậy khi ngồi không ngay hàng thẳng lối. Lạ thay, lúc ấy mọi việc đối với tôi rất thường: một khi mình chấp nhận thì mọi sự phũ phàng không có chỗ bám víu: tôi vẫn là tôi và họ không làm gì được tôi. Lý và tôi thường kể nhau nghe về chuyện gia đình, vì chúng tôi xa gia đình quá lâu mà không tin tức, không gặp mặt, không một hy vọng được một ngày thả tự do. Chúng tôi bị làm “giấy lý lịch” năm, bảy lần, nhưng tội trạng thì không thấy đem ra xét xử. Thật ra có người bị bắt mà không có tội rõ rệt, nếu họ phải đem ra toà án nhân dân mà không có tội gì để gán thì cũng khó xử họ.

Rồi ngày qua ngày, Tết lại gần đến. Ngoài con số các bạn bị bệnh thổ tả, tiêu chảy hay sốt rét lần hồi đi ra nằm ngoài vườn mì, một số khác bị đập mìn trên nông trường, có người cụt giò, có người bỏ mạng. Còn chúng tôi vẫn lầy lắt sống trong nạn đói thường xuyên. Có người bắt chuột để ăn, hoặc luộc rong râu làm canh ăn đỡ đói. Đa số chúng tôi xanh như tàu lá, có người bị bệnh thủng, xem tướng tá thì tưởng là mập, mà khi đụng ngón tay sờ vào người thì dấu tay in rõ ràng trên da thịt

Chúng tôi thêm một miếng mẩu ruốc xào thịt, chúng tôi thêm một miếng bánh bông lan. Đối với tôi hạnh phúc đó đã quá tầm tay chúng tôi rồi. Phải thấy một đám tù gầy còm bươi móc trong đồng rác để tìm một củ mì thúi, một chút khoai sùng, mới thấy thấm thía câu «lấy tình thương xoá bỏ hận thù» của Phạm Văn Đồng và Tôn Đức Thắng. Theo thiện ý của tôi thì cụ Hồ là người nhân ái, trót lỗi theo chủ nghĩa vô thần, nhưng chắc cũng là người thương dân. Nếu cụ còn sống thì “có lẽ” không có cảnh này. Hay là rốt cuộc bọn họ cũng như nhau: chủ nghĩa và nguyên lý của đảng bắt buộc họ phải hành động như vậy?

Bỗng dưng vài tuần trước Tết, chúng tôi được thông báo rằng “thể theo chánh sách khoan hồng của nhà nước” năm nay chúng tôi được biên thư về cho gia đình để báo rằng ngày 30 Tết chúng tôi được gặp mặt người nhà, và có thể mỗi người được nhận một gói quà. Tin tức chuyển nhanh trong trại. Lần đầu tiên một niềm vui đến với chúng tôi.

Chúng tôi được nhận mỗi người một tờ giấy và một cây viết Bic được đưa chuyển nhau để viết thư. Phải làm thật nhanh vì cả đội mà chỉ có 2 cây viết. Từ khi “giải phóng” xong thì giấy và viết trở thành “tư liệu” của Bộ Quốc Phòng nhà nước, nên họ “quản lý” chặt chẽ, kéo bọn phản động chúng tôi có thể dùng đó để “liên lạc phản cách mạng”. Thật buồn cười cho bọn ngu dốt mà lại thích dùng chữ hay. Dân Miền Nam ghét nhất cách họ dùng chữ thật kêu để chỉ định những gì tầm thường nhất. Tóm lại, chúng tôi “tranh thủ” để “hoàn thành công tác”... viết thư trong buổi

sáng.

Tôi nhấc má tôi lên thăm, nói rằng “chúng tôi vẫn mạnh khỏe” và đang ở đây rất “thoải mái” và “đang học tập tốt để sớm trở về đoàn tụ gia đình”. Tôi xin má tôi đem cho tôi một bộ bà ba đen, một hũ mứt ruốc và ít cục kẹo vì nghe thèm ngọt.

Lý định trả giấy viết, vì không muốn biên thư cho gia đình để xin xỏ. Tánh nó là như vậy, không ưa nịnh hót hay xin xỏ ai, cả gia đình hấn mà hấn đã bỏ từ lâu. Tôi dằng lấy giấy viết và cần nhần Lý:

– Sao bỏ kỳ quá vậy ? Nghe lời tôi dùm một lần coi. Hay là để tôi biên cho. Thiệt là cứng đầu. Bỏ biết không, tôi nghĩ rằng thế nào gia đình bỏ cũng mừng khi được tin bỏ vẫn mạnh khỏe. Sẵn đó xin luôn ít cái quần mà bận, riết rồi coi như ăn may, mang chà mang lưới vậy mà chịu sao? Với lại, bỏ hứa sẽ giới thiệu em gái bỏ cho tui mà. Bỏ cứ hẹn giờ thăm cùng lúc với má và chị tôi thì tôi sẽ chỉ má tôi và chị tôi cho bỏ xem. Không nghe lời thì đừng thềm nói chuyện với tôi nữa.

Sau khi làm trận làm thượng với Lý, nói qua nói lại, nói trả nói treo, nói bóng nói gió, rốt cuộc Lý bực mình quá bèn chịu thua và biên ít hàng về cho má hấn.

Tôi cảm thấy vui vui vì đã làm cho Lý nghe lời tôi. Đây là bằng chứng của mối cảm tình nó dành cho tôi. Tên bụi-đời-không-thuốc-chữa như nó, chưa biết nghe ai, chưa biết sợ ai, nay rất nghe lời tôi, và rất sợ tôi giận. Vì tôi giận dai lắm.



CHƯƠNG 4



Một cái Tết nữa sắp trở về trên quê hương tôi. Chúng tôi vẫn còn bị giam giữ. Cứ mỗi khi có lễ lạc, thì văn phòng trại lại rộn rịp và chúng tôi đâm ra hy vọng được trả tự do. Nhưng vì số người ít ỏi được thả “tượng trưng” (đa số do cán bộ can thiệp nhờ gia đình “có chân trong cách mạng” hoặc nhờ mấy lượng vàng) lần hồi chúng tôi không còn ảo tưởng nữa. Thế nhưng trại chúng tôi năm nay mang một bộ mặt khác nhờ thay đổi trưởng trại. Tân trưởng trại gốc người lục tỉnh nên ưa thích cải lương. “Anh Hai” cho phép chúng tôi gọi anh như vậy, ra lệnh cho chú Tám, một bầu gánh hát cũ hạng B hay C gì đó, phải thành lập một gánh hát cải lương để giúp vui nhân dịp Tết và để cho gia đình anh tới xem. Ngoài ra, anh Hai còn ra lệnh cho thành lập một đội bóng tròn để gây chút sinh khí trong trại.

Có lẽ anh Hai tượng trưng cho một số cán bộ, mặc dầu theo chế độ này, nhưng vẫn còn giữ được tình người. Và Tết năm đó, trại chúng tôi nhộn nhịp hẳn lên.

Chú Tám khi xưa là bầu gánh kiêm luôn nhạc trưởng nên chú đàn guitare rất hay và đương nhiên là rành tất cả bài bản cả Ba Nam, Sáu Bắc và đương nhiên có cả vọng cổ. Chú xin phép được “tuyển lựa ca sĩ” trong mỗi đội. Tôi rất mê thích cải lương từ nhỏ, từ lúc má tôi dẫn đi coi hát bội ở đình hoặc coi các vở tuồng “lâm ly bi đát” có bà hoàng hậu gần ngày sanh mà bị cảnh ly loạn làm cho khán giả rơi lệ đầm đề.... Tôi mê thích cải lương vì tính chất đơn sơ và hồn nhiên rất gần gũi với tính tình chất phác đôn hậu của người miền Nam. Tôi cũng bập bẹ hát cổ nhạc, nhờ khi xưa có đi học đàn vọng cổ, nên cũng “đăng ký” làm nghệ sĩ. Sau buổi tuyển lựa ca sĩ, số anh em được giữ lại cho “gánh hát bầu Tèo” khoảng 10 người. Một số được chỉ định nhắc tuồng, đổi cảnh, ánh sáng và âm thanh. Nghe qua cũng xôm tụ như một gánh hát thật.

Chúng tôi bối rối khi gặp phải một tình trạng nan giải: Trong trại có điều lệnh cấm tù nam nữ tiếp xúc với nhau. Các nữ can phạm sẽ trình diễn “riêng” các màn văn nghệ của họ, như ca hoặc vũ. Còn chính ban văn nghệ của nam can phạm phải tự tìm lấy mấy “cô đào” trong đám “nghệ sĩ” của mình.

Chú Tám đã có cách giải quyết: chọn trong số tụi tôi vài đứa mảnh mai để làm đào hát. Ba cô đào được chỉ định là ... tôi, Bùi Dân và Hữu Hà, ba đứa “tương đối” kha khá, tuy tướng điệu thì cứng nhắc và tiếng nói thì ồ ồ nhưng chú Tám cho rằng với hoá trang và ánh đèn mờ, tụi này cũng cho ảo tưởng là “đào hát” mặc dầu làm sao sánh được với Thanh Nga, Lệ Thủy!

Sống trong tủ nhục âm thầm đã lâu, chúng tôi như những con vật chỉ còn chờ ngày đem ra làm thịt. Nay có dịp đem lại cho mình chút hứng khởi nhờ văn nghệ, và mang lại cho anh em cùng trại niềm an ủi nho nhỏ nhân ngày Tết đến, nên chúng tôi ra công dựng sân khấu, lợp nóc, may màn bằng bao cát. Phòng và cánh gà bằng phen đệm được tôi vẽ vào đồ đồ xanh xanh bằng mấy lon sơn loại xấu.

Chỉ còn mấy tuần nữa là tới Tết, sợ không kịp chuẩn bị nên anh Hai cho phép các nghệ sĩ được miễn lao động vài giờ mỗi ngày, và chúng tôi được về trại sớm hơn các anh em. Anh Hai cho chúng tôi một mớ áo quần tịch thu của các người vượt biên. Chú Ba thợ may giúp tôi thực hiện một mớ áo quần Tàu, bằng cách sửa lại chút ít rồi may thêm ni-lông màu, đính vào đáy giấy bạc bao thuốc lá, bông hoa giả, tóc giả làm bằng dây ni-lông đen, ngực giả bằng giẻ rách, đao kiếm bằng cọng đu đủ, vương miện bằng lon sữa bò chế biến, đồ hoá trang bằng phấn thoa sậy của em bé. Bột màu là lọ nôi cạo từ đít nôi. Thời bấy giờ chúng tôi được lãnh mỗi tháng một đồng để mua kem đánh răng. Chúng tôi góp lại và nhờ đó, Anh Hai tậu được một máy phát điện cũ mèm, một micro và hai ống đèn néon xanh và đỏ.

Chúng tôi chép các vai vào giấy xi-măng và tập tuồng ráo riết. Chú Tám tuyển thêm được vài nhạc sĩ: anh Năm đàn guitare, chú Bảy đàn cò, thằng Hiếu đánh trống và thằng Tí chuột đánh phèn la ... bằng hai nắp nôi. Cái micro duy nhất được treo tòn teng và di chuyển bằng dây kéo.

Tập bài bản thì không sao, mà hễ tới lúc ráp tuồng và ra điệu bộ thì thật là khó cho tụi “đào lộn hột” chúng tôi.

Ăn mặc thì như ăn mày, quần cụt áo rách bươm, mà mở miệng ra thì nào là tâu phụ vương và mẫu hậu, đã vậy có những cảnh mùi mẫn nữa mới chết cho ba đứa tụi tui. Máy anh kếp thì hát hay thật. Kim Luông ca ráo nên đóng với tôi rất xứng. Anh ta ca hay như Tấn Tài vậy. Còn Hồng Châu thì có làn hơi thật dài, xưa là du đãng có xâm hình con ó trước ngực nên biệt danh là Châu Ó. Hề nuôi cố gắng bắt chước giọng của Văn Hường. Còn chú Ba Đủ mập mạp đóng các vai nịnh là ăn tiền. Tôi hát dở hơn các “cô kia” nhưng nhờ vững nhịp nên được làm “đào chính”, học vai mệt luôn. Đã vậy tôi còn phải thực hiện một đầu lân bằng giấy bồi để mấy anh em người Việt gốc Hoa biểu diễn.

Đội banh đã thành lập xong, Lý được tuyển vào hội và anh em luyện tập trên ruộng lúa (sân trong nay được san bằng và bồi lại).

Lật bạt đã đến đêm ba mươi.

Con người không chỉ nhờ ăn mà sống. Phần tinh thần còn quan trọng hơn nhiều. Từ lúc có hoạt động thể thao và văn nghệ, chúng tôi như có chút an ủi tinh thần nên sự thiếu thốn vật chất như bớt quan trọng hơn. Cả trại như một đám cây khô vừa được tưới cho chút nước.

Sáng ngày 30 Tết, các đội bóng ra tài thi đua. Buổi trưa có múa lân và chúng tôi nhận được mỗi đứa vài miếng thịt heo bằng ngón tay cái. Nhưng ôi thôi sao mà sung sướng lạ. Buổi chiều vừa xuống thì anh Hai cho chạy máy điện và đám nghệ sĩ rộn rịp sắm tuồng. Trong khi các anh em được hướng dẫn ra sân và ngồi chễm chệ trước sân khấu thì chúng tôi đứng sau cánh gà để hoá trang.

Các nữ can phạm được bà Tám mập hướng dẫn ngồi phía sau anh em, với một khoảng cách độ hai thước để bà ta dễ kiểm soát. Cán bộ võ trang đứng bao quan để xem hát và để canh chừng mọi sự đào thoát. Anh Hai và gia đình, chị Tư y tá và một số cán bộ thì được ngồi trên ghế sắp dài theo vách nhà bếp. Khung cảnh rộn rịp vui vui.

Chúng tôi hoá trang gần xong. Các vai nam coi cũng xôm tụ với quần áo, mao gươm. Còn ba “cô đào” thì coi lạ hoắc với lớp hoá trang và tóc giả, ngực giả. Tôi mặc bộ đồ Tàu màu đỏ chói, nhìn vào cái kiếng nhỏ không nhìn ra tôi nữa. Tôi chợt nghĩ đến các đoàn hát Kbuki Nhật Bản, các vai đào do kếp đóng, có lẽ cũng cùng tâm trạng với chúng tôi.

Khi các cô đào hoá trang xong thì các anh em bu lại chọc ghẹo. Kẻ kéo tóc, người sờ ngực, làm các “cô” kêu là cầu cứu đến nỗi chú Tám phải can thiệp mới tạm yên. Ánh đèn mờ ảo làm cho sân khấu nổi bật trong bóng đêm như một hòn đảo huyền hoặc.

Màn văn nghệ bắt đầu bằng lời cảm ơn của chú Tám, xong tới màn vũ của các nữ can phạm, tụi tôi đứng trong cánh gà nhìn ra xem cũng thấy hay hay. Xong lại có vài bài ca cách mạng, loại vô duyên như “thành phố mang tên người” “cô gái vót chông” và ..”tiếng chày trên sóc Bombo”.

Lật bạt đến phiên chúng tôi. Thấy tên “đào Trọng” nghe không hay nên chú Tám giới thiệu thành phần các vai bằng tên mới : “Cô đào Kiều Mỹ” khiến cả trại nhốn nháo hẳn lên.

Màn kéo lên, cô đào ngượng ngập cầm cây quạt bằng lông vịt chưa biết phải làm gì thì tiếng vỗ tay nổi lên xen lẫn tiếng xầm xì:

– Ê tụi bay, cô đào nào vậy?

– Con nhỏ nào coi được quá vậy hén?

– Chắc con nhỏ nào mới vào đội nữ.

– Bây, gánh hát thiệt đó mấy ôi!

– Ôi, tao biết rồi, cái thằng cao cao ở đội 9 đó mà. Hôm kia gánh nước cho nhà bếp tao thấy tụi nó tập tuồng.

Anh Hai coi bộ thích thú lắm, đi tới đi lui, bước chân cà xích có lẽ do bị thương trong một trận đụng độ nào đó.

“Rạp hát” ồn ào đến nỗi Anh Hai phải lên tiếng để chúng tôi tiếp tục hát. Tiếng đàn guitare, đàn cò nổi lên nghe thật hay. Dưới ánh đèn mờ ảo, với một vở hát xưa, anh em có dịp tưởng tượng là trong một phút giây nào đó, được thoát khỏi trại giam và sống lại một khoảng kỷ niệm ngày xưa. Tôi cảm thấy có bồn phận tiếp tục đóng tròn vai trò của mình, không có quyền làm anh em thất vọng. Tự nhiên tôi thấy mình trở thành nhân vật mình đóng, tôi hoàn toàn không còn là tôi nữa, mà cử chỉ lời ca đều là nhân vật trong tuồng.

Vở tuồng tiếp diễn trong sự chú ý và mê thích của anh em. Đến màn cuối, đến đoạn ai bi, tôi chợt nghĩ đến thân phận tù đầy của tôi, nghĩ đến Lý, đến thân phận lầm than của dân tộc, tự nhiên mắt tôi mờ đi, nước mắt chảy dài khi ca xong bản chót. Tám “màn nhung” bằng bao cát khép lại trong tràng vỗ tay nồng nhiệt, khép kín tâm sự đời tôi.

Từ đó gánh hát chúng tôi tiếp tục trình bày nhiều vở tuồng khác, cứ một hoặc hai tuần là có trình diễn, tính lại có hơn ba mươi vở tuồng xưa. Sau đó lại thêm các tuồng mới loại cách mạng như là “Tìm lại cuộc đời” và “Ánh lửa rừng khuya”. Nhưng có lẽ anh em đều nhớ vở tuồng đầu tiên nên đi đâu tôi cũng được gọi là “công chúa” khiến công chúa xấu hổ vì đang bận quần cụt tay cầm xẻng và mặt mũi lem luốc như con ma. Tôi nghĩ rằng gánh hát chúng tôi đã giúp chúng chúng tôi và anh em phần nào niềm vui để tiếp tục sống trong âm thầm chờ đợi. Nhờ được vài ưu đãi

do vai trò tôi đóng nên được miễn đi nông trường và còn sống sót đến ngày nay.

Số người vượt biên càng nhiều, số bị bắt càng tăng thì trại chúng tôi lại đâm ra chật chội và thức ăn càng thêm thiếu thốn. Trưởng trại nhận lệnh chia một số anh em về nông trường mới, thật ra chỉ là vài mái nhà lá được cất vơi trên một khoảng đất sinh được bồi lên bằng đất của mấy con kinh mới đào. Vùng này đầy muối mòng và đĩa, nước mặn đầy phèn nên không có gì mọc được ngoài loại cỏ lác xác xơ, không vật gì sống được ngoài muối và đĩa.

“Được đi” nông trường có nghĩa là được đi lãnh án tử hình. Chúng tôi lo sợ nhưng việc phải đến đã đến.

Một buổi sáng chúng tôi được miễn công tác. Đây là điềm xấu. Anh Hai mang loa ra gọi danh sách thành phần “được” chuyển đi nông trại. Tôi lắng nghe thấy gọi tên Lý. Như vậy thì từ nay không những cách đội mà còn xa cách cả trại, và không biết Lý có thể sống như những con bò, để “thí nghiệm” xem con người có thể sống nơi đầm lầy hay không. Trong số chuyển trại lần này cũng có Lý. Vậy là từ nay chúng tôi đã xa hẳn nhau rồi.

Số còn lại ở trại cũng tiếp tục sống, sinh hoạt cũng lai rai và chúng tôi cũng tiếp tục trình diễn vài vở tuồng mới. Cuộc đời “đi hát” của tôi mang lại cho tôi lắm vui mà cũng nhiều buồn.

Buồn là vì đêm đầu tiên sau khi trình diễn, tôi có hẹn với Lý sẽ lên lại đội thăm nó. Sau khi xem xong vở hát, Lý tìm có đau bụng và xin về đội. Trưởng phòng cho người đưa nó về. Đêm ấy trời tối đen vì là đêm giao thừa, nhưng sao lấp lánh và trời mát mẻ, gió hiu hiu làm tôi quên đi là mình đang ở trong trại. Đêm văn nghệ tiếp tục bằng những bản nhạc “giải phóng”.

Tôi xin chú Tám cho về đội để rửa mặt, nhưng thay vì về đội 9 của tôi, tôi lại bẻ queo đường về và trực chỉ hướng đội 12, nằm cách đó vài chục thước. Vương vúi trong cái áo dài lết bết và tay áo rộng, tôi bị cán bộ võ trang bắt gặp và họ gán cho tôi tội đào thoát. Tên cán bộ này lắm lì và trông ánh mắt đầy căm thù của hắn, tôi thấy cô đọng lại hận thù của bao nhiêu năm tương tàn cũng vì một ý chí mù quáng. Chỉ trong đường tơ kẽ tóc hắn sẵn sàng nã đạn vào tôi. Các cán bộ khác thì trái lại, rất mê cải lương và họ cười khi thấy chúng tôi hoá trang. Trong điệu nhạc của bài “Hồ chí minh đẹp nhất tên người”, tên cán bộ đưa tôi lên văn phòng. Nếu không nhờ tôi lanh trí và không nhờ sự mẫn mọ cải lương của anh Hai, tôi đã nằm lại connex.

Niềm vui pha lẫn nỗi buồn của tôi khi một cô trong đội nữ lại thầm yêu “cô đào khả ái” và trong một đêm văn nghệ lên trao cho tôi một bức thư. Rủi thay bà Tám mập lại chụp được bức thư và đưa lên văn phòng. Cô gái giang hồ ngày nào, tưởng đâu con tim đã chai đá, nay lại đi yêu một chàng trai qua lớp áo của một cô đào hát. Nguyệt bị bắt và bị còng tại đội, một chân mang xích dính vào cây cột giữa phòng giam. Theo lời thư thì tôi chưa tiếp xúc lần nào với cô ta, nếu không thì có lẽ tôi cũng bị còng như cô ta vậy. Cả trại xầm xì bàn tán và người ta lại càng để ý thêm đến

cô đào được gái si mê.

Một tuần sau đó, một đêm nọ sau buổi hát, anh Hai cho gọi tôi cấp tốc lên văn phòng trại. Nguyệt vừa bất tỉnh sau mấy ngày không ăn uống. Cô ta vẫn theo dõi vở hát từ cửa sổ phòng bằng cách leo lên một cái ghế đầu, nhờ sợi dây xích dài khoảng một thước nên Nguyệt có thể xê dịch được.

Đêm ấy có lẽ vì quá yếu sức, Nguyệt té ngã từ chiếc ghế và bất tỉnh luôn mà không cách nào làm cô ta tỉnh dậy. Chính bà Tám mập đã vắn kể để anh Hai gọi tôi lên. Tôi thảm lo sợ vì hễ bị gọi lên văn phòng không bị xích thì cũng bị còng.

Anh Hai đưa tôi xuống trại giam nữ và ra lệnh tôi phải chữa bệnh cho cô ta. Bà Tám mập đỡ Nguyệt dậy. Trong căn phòng tối tăm và ẩm ướt, Nguyệt nằm trên chiếc chiếu rách, mái tóc rối tung. Khi Nguyệt vừa được đỡ lên thì một búng máu lại trào ra miệng. Bà Tám hốt hoảng. Các cô khác thét lên kinh dị. Tuy bối rối, nhưng tôi cũng biết rằng có lẽ Nguyệt đã cắn nhầm phải lưỡi khi té và bị xóc dậy nên máu trào ra. Tôi cảm thấy thương hại Nguyệt như một cô em gái. Trong khung cảnh điều tàn này, trong hoàn cảnh tuyệt vọng của một kiếp đoạ đày, chúng tôi cùng đáng thương như nhau.

Tôi vội chụp lấy một miếng giẻ rách để lau vội mấy giòng máu xong bảo bà Tám để Nguyệt nằm lên gối cho cao. Xong tôi cởi áo để đắp cho Nguyệt và xin chút dầu Nhị Thiên Đường.

Bà Tám tay thì giật tóc mai của cô gái, miệng thì léo nhéo:

– Trời ơi, cậu làm ơn kêu tên cổ dùm tôi đi. Cổ mà có bẻ nào là cậu mang tiếng ác đó!

Anh Hai tiếp lời:

– Anh hát hò làm sao mà người ta cảm anh, cổ mà chết là anh ra nằm conex đó.

Tôi gọi tên cô ta mà trong bụng rửa thắm mụ Tám ranh mãnh. Nếu Nguyệt có bẻ nào thì chính mụ ta và trưởng trại trực tiếp chịu trách nhiệm. Nguyệt vẫn không nhúc nhích. Chán nản, anh Hai ra lệnh tôi trở về đội. Vừa ra khỏi cửa, tôi nghe các cô la lên:

– Kìa, nó đã tỉnh dậy rồi!

Từ đó tôi mang thêm biệt danh “Bác sĩ hào hoa”



CHƯƠNG 5



Một năm nữa lại trôi qua, tin tức của Lý ngày càng bật từ khi nông trường thành lập.

Một sáng tinh sương, có tin là một ghe máy chở tù nhân từ nông trường được đưa trở về trại. Tôi vội xin trưởng phòng cho đi gánh nước để biết rõ hơn. Thì ra nông trường cho đưa những can phạm bị bệnh quá nặng trở về trại vì con số chết chóc quá nhiều. Trong số bệnh nhân đó tôi tìm gặp Tí chuột, hiện chỉ còn là bộ xương cách trí. Nó nói với tôi:

– Nè, có thư của Lý gửi cho bồ. Nó đau nặng lắm nhưng Đục Râu không cho nó về, bảo nó làm biếng. Tui bị thổ huyết, tui nó cho về chắc là gần ngày theo ông bà rồi chứ để gì.

Nhìn cặp mắt thâm quầng của nó, tôi đâm ra ân hận vì mình thiếu hẳn tình cảm với nó khi nó còn ở chung trại. Tôi nắm bàn tay xương xẩu của nó và nói:

– Mai mày ghé đội, tao cho đường.

Đọc xong thư Lý, tôi quyết lên thăm nó để an ủi vì nó tuyệt vọng quá.

Từ khi tôi đi hát, tên Năm Sơn trưởng phòng thường pha trò ” Cô đào khả ái bữa nào đi hát xong, để nguyên đồ lại đây nói chuyện coi nào ” làm anh em cười rộ lên. Tôi thấy ghét bản mặt của hắn nhưng ngộ biến phải từng quyền. Tôi quyết định lợi dụng hắn để xin đi thăm Lý ở nông trường.

Và tôi được phép thắp từng ghe chở gạo lên nông trường. Sau cuộc hành trình qua những đồng hoang hiu quạnh, chúng tôi tới một bãi sinh vừa được đắp cao, trên đó là một dãy nhà thấp lè tè, nối liền bằng mấy cây cầu khỉ. Một đám muỗi bay vù vù ra đón chúng tôi. Qua lớp dây kẽm gai, các tù nhân đang đào kinh, vét mương. Những con kinh vô nghĩa, những cái mương không xài vào đâu. Tôi bắt gặp những bộ xương khô mang những bao cát rách, và những cặp mắt lơ đãng trên những gương mặt xanh mét. Tôi gặp lại Lý đang nằm bất động trên chiếc chiếu nát, cái đầu cạo trọc, đôi mắt thất thần quá to vì gương mặt đã hóp hẳn lại.

Trời ơi! Chúa ơi! những người này có tội gì mà hành hạ họ như vậy. Những kẻ có tội với nhân dân, đã vơ vét của cải nhân dân, họ đã bỏ trốn từ lâu. Nếu các người có giỏi, cứ đi tìm họ về, còng họ lại, nhốt họ lại. Hãy tha cho những người này,. Họ quá nghèo, quá vô tội nên không bỏ trốn. Họ là nạn nhân của tất cả mọi chế độ. Cải tạo họ, bằng cách này chứng tỏ sự yếu kém của chính quyền các người. Hãy tha họ ra, và họ sẽ quên đi hận thù mà cùng nhau xây dựng đất nước.

Lý chảy nước mắt khi tôi mang cho nó hộp sữa và bắt nó hứa phải gượng sống mà còn chờ ngày gặp lại.

Trên con đường trở về trại, tôi cảm thấy mệt mỏi, chán chường, tự hỏi tại sao cùng một màu da, cùng một dòng máu mà họ có thể tàn nhẫn với nhau được như vậy.

Sau đó, được tin Lý bình phục tôi rất mừng và nó có gửi tặng tôi một cặp gà tre nhỏ xíu.

Thời gian lặng lẽ trôi qua cho tới khi một trận lụt lớn nhất từ mười mấy năm qua làm ngập cả mấy vùng miền lục tỉnh. Chúng tôi phải đắp bờ đê quanh trại để chặn nước, vậy mà bên trong vẫn ngập và chúng tôi phải cất sập cao để ngủ.

Chúng tôi không được ăn gạo từ lâu, mà chỉ có bột và bo bo. Ăn bo bo vài thì gà hết đẻ. Ăn bo bo mỗi ngày thì chúng tôi sinh ra kiết lỵ và đau bao tử. Tôi ngã bệnh nặng và liệt giường cả tuần, nằm co quắp trong chiếc mền lính của Lý cho. Lúc đó thì Tí chuột bị thổ huyết cũng chết. Hai con gà của tôi, niềm an ủi cuối cùng của tôi cũng bị bệnh toi mà chết đi.

Từ khi ngập lụt, thậm chí nuôi cũng bị đình chỉ. Không biết nông trường có sao không. Tôi đã kiệt lực rồi, tôi đã hết sức chịu đựng rồi. Ba năm sáu tháng đã qua. Nghĩ mà tức, sống thoi thóp tới nay thì phải đành buông tay. Tôi chỉ tiếc là mình sẽ ra đi vĩnh viễn mà không gặp lại mẹ cha, không gặp lại Lý.

Thế nhưng, trong hoàn cảnh tuyệt vọng đó thì tôi được tha ra. Lúc ấy vào cuối năm 1978, có chiến dịch cho phép người Hoa được ra đi bán chính thức. Một số người Hoa được tha từ các trại, nếu họ đóng cho chính phủ một số vàng. Gia đình tôi nhờ chạy chọt đúng chỗ nên tôi được tha cùng với một số bạn tù người Việt gốc Hoa.



Tôi không ngờ tôi lại có thể bước đi trên con đường nhựa, có thể leo lên xe đò: ước mơ bé nhỏ của tôi trong mấy năm qua. Các bạn đỡ tôi lên ghe vì tôi quá yếu. Chợ Cai Lậy bị ngập lầy xấp, xe đò bị ngập nước phàn nửa bánh xe. Tôi nhả lại ít lời cho Lý, rồi xin giả từ nơi chốn tù đầy đã lưu lại một phần của đời tôi.

Bước chân vào nhà sau hơn ba năm cách biệt, tôi thấy như người về từ một cõi xa xăm nào. Căn nhà rộng rãi và xinh xắn trở nên tiêu điều và xơ xác. Người miền Nam tự động biến họ thành những con người xốc xếch, biến nhà của họ thành nghèo nàn dơ dáy, để “phù hợp” với chế độ này.

Thành phố nay chỉ còn có xe đạp. Chợ búa trống trải và “sạch sẽ” vì không còn gì để bán. Tôi bị tước quyền công dân và có thể bị bắt lại để giam giữ mà không cần có lý do, vì giấy tờ của tôi đã bị tịch thu, chỉ còn tờ “giấy tạm tha”.

Dân chúng nghèo xác xơ ra và họ đã mất hẳn tính vui vẻ hồn nhiên. Anh rể tôi đã chết trong trại tù ở Nghệ Tĩnh. Chị tôi mang khăn tang mà làm lễ siêu thoát cho anh. Nghe lời kinh của nhà sư trong buổi lễ tổ chức lén lút tại nhà, tôi muốn rơi nước mắt. Đã có bao nhiêu đồng đội của tôi đã ra đi một cách tức tưởi mà không nghe được câu tụng niệm: “Người đã qua được trăm luân, nay hãy đời đời yên nghỉ”.

Sàigòn thay đổi hẳn từ khi mang tên Hồ-chí-minh. Dân chúng sống trong sự kềm kẹp, sự lo âu, sự đói khát và ai cũng muốn ra đi.

Tham những đầy dẫy, bắt công lan tràn, có người đã nói: “Nếu cây cột đèn có chân thì nó cũng đã bỏ đi lâu rồi!”

Kế hoạch kinh tế mới bị thất bại một cách thảm hại. Chính quyền mới đi từ thất bại này tới thất bại khác, mà cứ đổ tội cho “đế quốc Mỹ” và “chánh quyền Ngụy”. Thật buồn cười thay. Từ khi chánh quyền tuyên chiến với người anh em “Trung quốc vĩ đại” thì có tin là họ đang tìm bắt lại các anh em binh sĩ và công chức được thả ra từ các trại cải tạo. Không thể ở lại được trong tình trạng này, tôi quyết định ra đi.

Từ Rạch Giá, ra Tắc Cậu nằm chờ ghe một thời gian, một hôm kia chúng tôi được tin sắp ra khơi. Mọi người mang vồn vện ít bộ quần áo mặc chồng vào nhau, hấp tấp xuống ghe. Chiếc ghe cá của tôi đi mang số VNKG.0711 rời khỏi hải phận ngày 5-5-1979. Xin vĩnh biệt Việt Nam, vĩnh biệt mọi người thân yêu, xin vĩnh biệt “Hoả ngục đỏ, mối tình tôi”: Mối tình bạn đậm đà, mối tình yêu cam nín, mối tình gia đình thâm sâu, mối tình người muôn thuở.

Chiếc ghe chở nặng suốt bị đắm trong hai trận bão lớn. Nằm trong khoang chật ních, tôi tự hỏi tại sao mình lại còn đây, và tại sao chiếc ghe nhỏ như quả trứng lại chưa bể ra tan tành dưới giông tố toại bời. Ghe chúng tôi bị hải tặc Thái Lan cướp và lột hết vòng vàng tiền bạc, lần sau thì vì chúng tôi tỏ vẻ kháng cự nên tụi hải tặc bỏ chạy luôn mà không chặn chúng tôi lại.

Ba ngày sau tới hải phận Mã Lai thì bị lính tuần cảnh kéo đem ra bỏ ngoài khơi.

Tàu cạn dầu, hư máy, trôi dạt trên biển cho đến ngày thứ sáu. Chúng tôi đói lả và kiệt sức. Trên tàu đã có người chết.

Trong hoàn cảnh bi đát đó, tàu chúng tôi may mắn cập vào một hòn đảo hoang “Pulau Tioman”. Tụi tôi phá tàu để khỏi bị tống ra biển.

Sống đùm bọc nhau trong một thời gian thì hội Hồng Thập Tự và U.N.H.C.R cho trực thăng đi tìm chúng tôi và cho ghe đưa chúng tôi về trại Cherating, trại này lớn thứ nhì sau Pulau Bidong.

Trong suốt cuộc hành trình, tôi vẫn mang theo trong người hình Đức Mẹ, đã che chở cho tôi trong những giây phút tuyệt vọng nhất.

Nhờ tôi nói thông thạo Anh và Pháp ngữ nên được chỉ định làm thông ngôn cho văn phòng trại. Tôi may mắn nhờ một phóng viên RTL cho gia đình bảo đảm của tôi bên Pháp hay nên ngày 1-8-1979, thành phố Paris hiện ra trong tầm mắt tôi. Sau thành phố Sàigòn yêu dấu, thành phố Paris có vẻ đẹp lạ lùng. Có lẽ vì đây là vùng đất Tự Do.

Tôi đã bật tin của Lý. Tôi đã mất hẳn quê hương. Ngày nay tôi còn lại gì ngoài niềm hy vọng sẽ có ngày về thăm lại quê hương, và ngày đó “mối tình tôi” sẽ không còn là “hoả ngục đỏ” mà sẽ là nơi sum họp mọi nhà, nơi trăm hoa đua nở và sẽ không còn trại tập trung, sẽ không còn nghèo đói, sẽ không còn hận thù. Ngày đó, xin hãy đến với dân tộc chúng tôi.

Lucien Trọng

